

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG
NGHIỆP & DÂN DỤNG DẦU KHÍ (PVC-IC)**

MÃ CHỨNG KHOÁN: PXI

Vũng Tàu, tháng 04 năm 2016

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	4
1. Thông tin khái quát	4
2. Quá trình hình thành và phát triển	4
3. Ngành nghề kinh doanh	5
4. Sơ đồ cơ cấu, bộ máy quản lý	6
5. Định hướng phát triển	7
5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.....	7
5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	7
6. Các rủi ro.....	11
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015	12
1. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh	12
2. Tổ chức và nhân sự	13
2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành	13
2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành.....	38
2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động	38
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	39
4. Tình hình tài chính	41
4.1. Tình hình tài chính	41
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	41
5. Cơ cấu cổ đông	42
III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	43
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2015.....	43
1.1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận.....	43
1.2. Những điểm nổi bật trong năm Công ty đã đạt được.....	43

2. Tình hình tài chính	47
2.1. Cơ cấu tài sản ngắn hạn	47
2.2. Nợ phải trả	49
2.3. Nguồn vốn chủ sở hữu	50
3. Kế hoạch phát triển trong năm 2016.....	50
3.1. Về thi công xây lắp	51
3.2. Công tác tiếp thị đấu thầu	51
3.3. Thanh quyết toán và thu hồi vốn.....	52
3.4. Tài chính	52
3.5. Về công tác đầu tư	53
3.6. Về tổ chức lao động, tiền lương và đào tạo	53
3.7. Tái cơ cấu doanh nghiệp	53
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	53
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	53
1.1. Công tác giám sát đầu tư.....	53
1.2. Giám sát công tác tài chính.....	54
1.3. Công tác an sinh xã hội.....	54
1.4. Công tác đoàn thể.....	54
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.....	54
3. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016	55
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	56
1. Hội đồng quản trị	56
1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị	56
1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	57
2. Ban Kiểm soát.....	58
3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2015	59

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2015.....	59
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	59



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**
- Tên tiếng Anh **PETROLEUM INDUSTRIAL AND CIVIL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt **PVC – IC**
- Logo của Công ty



- Vốn điều lệ 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng chẵn)
- Trụ sở chính Số 35D, Đường 30/4, Phường 9, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại (064) 3 834 784 Fax (064) 3 839 925
- Email info@pvc-ic.com.vn Website <http://pvc-ic.com.vn>
- Mã cổ phiếu PXI
- Tài khoản số 76010000175403 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3500832971 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26/11/2009 và cấp thay đổi lần thứ tư ngày 06/07/2012.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí được thành lập ngày 21/12/2007 theo quyết định số 03/QĐ-HĐQT-TCT của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4904000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 28/12/2007 với vốn điều lệ là 50.000.000.000 (Năm mươi tỷ đồng). Nhiệm vụ chính của Công ty là: xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp trong và ngoài ngành Dầu khí; Đầu tư, xây lắp các công

trình chuyên ngành Dầu khí; Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu cảng, cấp thoát nước; Đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ.

Sau gần ba năm hoạt động, Công ty ngày càng phát triển. Sản lượng và lợi nhuận của Công ty không ngừng gia tăng, thu nhập của người lao động được nâng cao. Công ty trở thành một đơn vị chủ lực về xây dựng công nghiệp và dân dụng của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

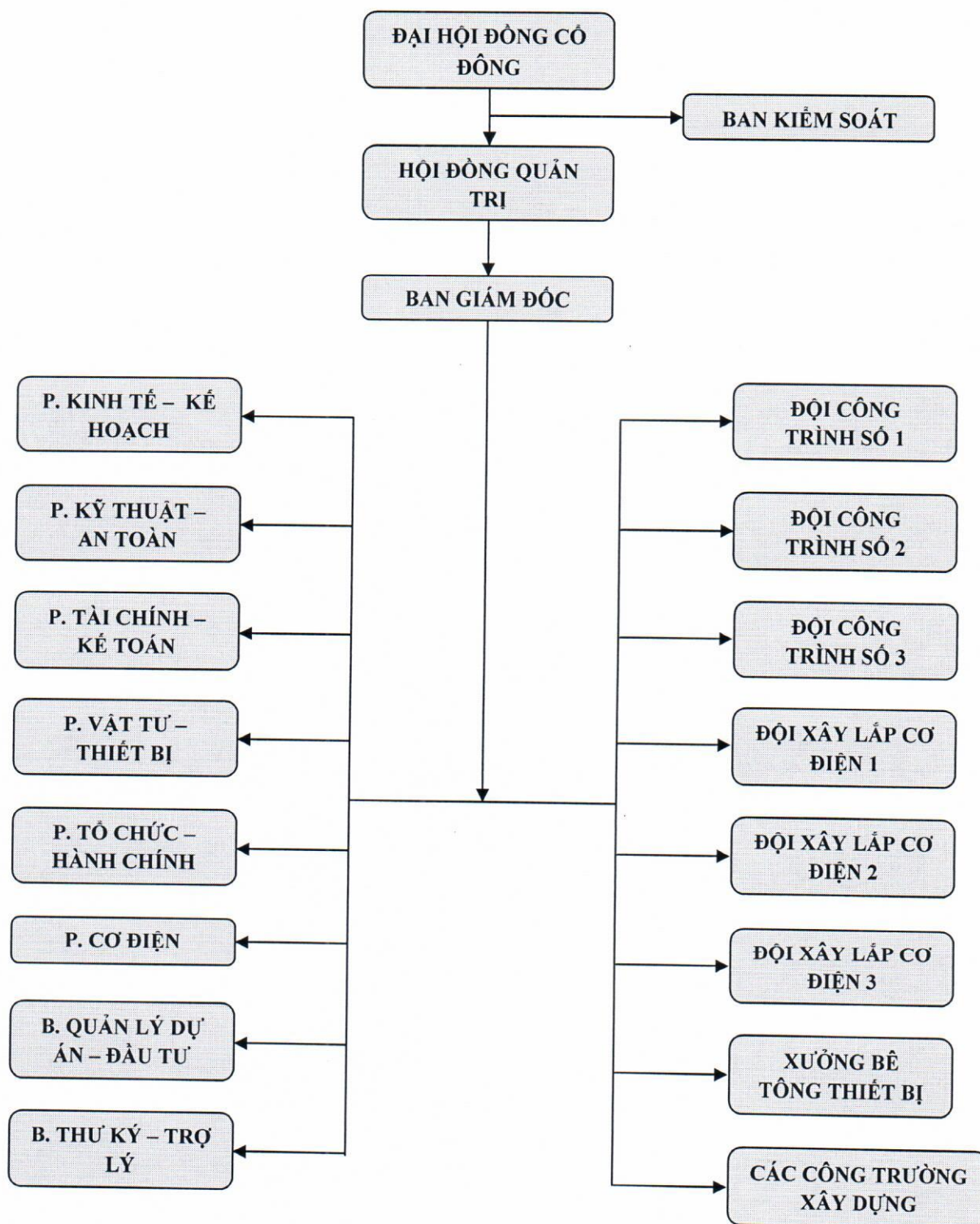
Nhằm chủ động hơn trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty đã đề xuất phương án và được Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam phê duyệt việc chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH 1 TV sang Công ty Cổ phần vào ngày 16/11/2009 theo quyết định số 964/QĐ-XLKD. Dựa trên quyết định này, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí chính thức được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26/11/2009 với vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

Ngày 21/06/2010, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên Sở GDCK TP HCM.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng công nghiệp dân dụng; Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ;
- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; Đầu tư xây dựng, kinh doanh khu đô thị;
- Thi công, mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các hệ thống: báo cháy tự động, chữa cháy, chống sét, camera quan sát, tổng đài điện thoại, thang máy, điện, điện lạnh, hệ thống chiếu sáng, cấp thoát nước;
- Kinh doanh các thiết bị, máy móc, vật tư ngành xây dựng, công nghiệp và khai khoáng;
- Lập dự án đầu tư ; thiết kế kết cấu công trình dân dụng; thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Sản xuất gạch nhẹ;
- Sản xuất chế tạo thang cáp, máng cáp, bảng tủ điện, bảng tủ điều khiển các loại;
- Gia công cơ khí (không sản xuất tại các phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và Phường Thắng Tam của TP Vũng Tàu);
- Thi công xây dựng đường dây và trạm biến thế điện trung thế đến 35 KV.

4. Sơ đồ cơ cấu, bộ máy quản lý



5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

5.1.1. Định hướng chiến lược

Xây dựng và phát triển PVC-IC thành một *Công ty Xây lắp chủ lực của PVC*, có trình độ quản lý và công nghệ thi công xây lắp đủ để quản lý và triển khai những dự án của ngành Dầu khí theo hình thức tổng thầu EPC.

5.1.2. Mục tiêu và định hướng tổng quát

Tiếp tục khai thác và nâng cao tỷ trọng trong lĩnh vực xây dựng công trình công nghiệp chiếm khoảng 60% - 70% trong tổng doanh thu xây lắp của PVC-IC, đây là thế mạnh của PetroVietnam.

Duy trì và phát triển thế mạnh hiện có của PVC-IC trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng tiến tới nhận thầu các công trình cao ốc theo hình thức tổng thầu EPC, hoặc hình thức chìa khóa trao tay.

Từng bước triển khai các dự án bất động sản đang thực hiện dở dang từ những năm trước là: Dự án trung tâm thương mại và chung cư cao cấp tại số 33A đường 30/4 thành phố Vũng Tàu, chung cư Thanh Bình tại phường 10 thành phố Vũng Tàu... để đón đầu sự ầm lị của thị trường bất động sản và thu hồi vốn.

Tìm kiếm các đối tác nước ngoài có kinh nghiệm trong quản lý thi công xây lắp để liên doanh liên kết để phát triển thương hiệu PVC-IC trên thị trường xây lắp chuyên ngành Dầu khí.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

5.2.1. Các chỉ tiêu cụ thể tốc độ tăng trưởng

PVC-IC sẽ quyết tâm phấn đấu mức tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2016 đến 2025 như sau:

– **Giai đoạn I: Từ năm 2016 đến năm 2020:**

- ✓ Giá trị SXKD phấn đấu mức tăng trưởng đạt 8% - 10% năm.
- ✓ Vốn điều lệ từ 300.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND.
- ✓ Tỷ lệ chia cổ tức tương xứng với lãi vay ngân hàng từ 7% - 10%.

– **Giai đoạn II: Từ năm 2020 đến năm 2025:**

- ✓ Giá trị SXKD phấn đấu mức tăng trưởng đạt 12% đến 15% năm.
- ✓ Vốn điều lệ từ 400.000.000.000 VND lên 500.000.000.000 VND.
- ✓ Tỷ lệ chia cổ tức từ 12% đến 15%.

5.2.2. Các chỉ tiêu chính dự kiến từ năm 2016-2025

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Cơ cấu	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025
1. Doanh thu xây lắp	830	913	1.004	1.104	1.214	1.359	1.522	1.704	1.903	2.194
Trong đó:										
a. Công trình DD	305	274	201	181	134	200	271	388	435	507
b. Công trình CN	525	639	701	773	830	909	1.086	1.190	1.330	1.535
c. Bất động sản			102	150	250	250	165	126	138	152
2. Lợi nhuận sau	29,00	33,00	37,00	41,00	45,00	50,00	56,00	63,00	76,00	90,00
3. Vốn điều lệ	300	300	300	300	300	400	400	400	400	400
4. Tỷ lệ chia cổ tức	8%	9%	10%	10%	10%	12%	12%	15%	15%	15%

5.2.3. Định hướng chính

Trên cơ sở mục tiêu cụ thể nêu trên, PVC-IC đề ra định hướng triển khai chiến lược phát triển cụ thể cho từng lĩnh vực như sau:

a. Lĩnh vực xây dựng các công trình công nghiệp trong ngành Dầu khí

- Tập trung năng lực để triển khai thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng tốt nhất các dự án “Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2”; Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn để tạo đà cho việc tiếp thị và đấu thầu các dự án tiếp theo như: Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1, dự án GPP Cà Mau, Tổ hợp lọc hóa dầu Long Sơn, nhà máy nhiệt điện Long Phú và tham gia các dự án chuyên ngành có điều kiện;
- Xây dựng chính sách thu hút nhân tài, đào tạo và phát triển đội ngũ quản lý dự án chuyên nghiệp theo hướng làm tổng thầu EPC thông qua các dự án đang triển khai và các dự án khác sẽ trúng thầu trong giai đoạn này theo hình thức liên danh, liên kết;
- Từng bước đầu tư có trọng điểm những thiết bị thi công chuyên ngành, nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa trong xây dựng công nghiệp, giảm bớt tình trạng phải thuê mượn thiết bị khi có dự án.

b. Lĩnh vực xây lắp nhà cao tầng

- Tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao trình độ quản lý để đấu thầu các dự án nhà cao tầng trên địa bàn các tỉnh, thành phố phía Nam, đặc biệt là các dự án của PetroVietnam;
- Song song với việc thực hiện các dự án dân dụng trong ngành, PVC-IC sẽ tham gia tiếp thị, đấu thầu và thực hiện các dự án dân dụng ngoài ngành để từng bước củng cố và phát huy năng lực cạnh tranh, nâng cao thương hiệu của Công ty trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng.

c. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản

- Tập trung triển khai các dự án đang thực hiện dở dang như dự án Khu phức hợp thương mại, dịch vụ văn phòng và căn hộ tại số 33A đường 30/4 thành phố Vũng Tàu; chung cư Thanh Bình tại phường 10 thành phố Vũng Tàu.

5.2.4. Các giải pháp**a. Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và cơ cấu tổ chức quản lý**

Trong một doanh nghiệp yếu tố nhân lực và vấn đề tổ chức nhân sự là hết sức quan trọng đối với khả năng thực hiện thành công chiến lược phát triển mà Công ty đề ra. Nguồn nhân lực có thể phân cấp như sau:

- Đội ngũ lãnh đạo cấp cao: Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Trưởng phòng.
- Đội ngũ phụ trách chuyên môn: Kỹ sư, chuyên viên các phòng, ban chức năng.
- Đội ngũ thừa hành: Công nhân, nhân viên.

*** Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ****– Đội ngũ lãnh đạo cao cấp:**

Đội ngũ lãnh đạo cấp cao của Công ty ảnh hưởng lớn đến các quyết định chiến lược và khả năng tổ chức thực hiện chiến lược. Do vậy người lãnh đạo phải luôn đổi mới tư duy, tự mình hoàn thiện, nâng cao năng lực quản lý.

Đội ngũ lãnh đạo cấp cao cần có một chính sách rõ rệt về sự phân chia ranh giới giữa các loại công việc, phải có tầm nhìn chiến lược về lĩnh vực kinh doanh, đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

– Đội ngũ nghiệp vụ chuyên môn:

Có chính sách khuyến khích đội ngũ chuyên môn có ý thức nâng cao trình độ nghiệp vụ trong lĩnh vực mình phụ trách, nâng cao năng lực làm việc theo nhóm và làm việc độc lập.

Cần có chính sách kinh tế nhằm thu hút và giữ chân nhân tài để phục vụ cho chiến lược phát triển Công ty.

– Đội ngũ công nhân nhân viên:

Xây dựng kế hoạch dài hạn cho công tác đào tạo, tái đào tạo và tuyển dụng công nhân lành nghề phù hợp với định hướng phát triển Công ty.

Đối với những công nhân làm việc lâu năm cần có chương trình học tập rút kinh nghiệm và phổ biến những kiến thức mới về công nghệ, kỹ thuật tại chỗ để nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ công nhân, tạo điều kiện cho các công nhân lành nghề phổ biến kinh nghiệm cho những công nhân mới vào nghề và tạo được sự gắn kết giữa họ với nhau.

*** Chính sách tiền lương**

Chính sách tiền lương là động lực chính để khuyến khích người lao động trong việc tham gia tích cực vào các hoạt động sản xuất của Công ty, khuyến khích những lao động sáng tạo, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty quy định chế độ khen thưởng hợp lý và cụ thể (Thưởng doanh số, thưởng năng suất..) và khoán lương theo lợi nhuận thay vì doanh thu để khuyến khích tinh thần lao động sáng tạo và trách nhiệm của người lao động.

*** Kế hoạch tuyển dụng và đào tạo**

Phòng tổ chức hành chính có trách nhiệm xem xét và lập kế hoạch tuyển dụng bổ sung lao động kịp thời khi cần thiết, phân định các loại công việc khác nhau để ký hợp đồng ngắn hạn hoặc dài hạn nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu lao động từng thời điểm và tránh dôi dư lao động khi không có việc.

Ưu tiên tuyển dụng cán bộ kỹ sư, chuyên gia trẻ được đào tạo cơ bản có chuyên môn phù hợp. Trong trường hợp cần thiết công ty sẽ thuê chuyên gia nước ngoài cho những dự án quan trọng.

b. Giải pháp giảm chi phí sản xuất

Nâng cao nhận thức của mọi thành viên trong Công ty, từ những người lãnh đạo, quản lý đến cả đội ngũ người lao động về ý nghĩa sống còn trong việc giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm nhưng vẫn nâng cao chất lượng sản phẩm.

Tạo điều kiện để mọi cá nhân có thể đóng góp các sáng kiến (Giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý,...) trong việc tối thiểu hoá chi phí sản xuất, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu, chi phí quản lý doanh nghiệp... việc tham gia ý kiến của mọi cá nhân rất quan trọng vì ở mọi thành phần, từ người quản lý cho đến người lao động đều có thể có ý tưởng sáng tạo và nhận biết được điểm yếu của quá trình kinh doanh để đưa ra những đóng góp quý giá.

Nâng cao trình độ chuyên môn cho các thành viên trong Công ty để quy trình kinh doanh từ đầu vào đến đầu ra ngày càng đạt tiêu chuẩn chất lượng cao góp phần giảm thiểu các chi phí không hợp lý.

Xem xét lại hiệu quả hoạt động của máy móc thiết bị để đẩy mạnh đầu tư, thay thế bớt các máy móc thiết bị lạc hậu, gây nên định mức tiêu hao nguyên vật liệu lớn và chi phí cho sửa chữa bảo dưỡng ngày càng tăng. Đối với việc đầu tư mới càng cần thận trọng để đảm bảo cho máy móc phát huy được công dụng hoạt động với mức chi phí phù hợp.

c. Giải pháp nâng cao năng lực quản trị tài chính

Công tác quản trị tài chính phải tập trung đánh giá khả năng huy động vốn và sử dụng vốn hiệu quả, tránh lãng phí. Kế hoạch huy động vốn phải phù hợp với chương trình sản xuất và chương trình đầu tư, không bị động về vốn.

Hệ thống kế toán và tài chính luôn đánh giá các chỉ tiêu tài chính trong từng giai đoạn nhằm xác định kết quả kinh doanh để điều chỉnh kịp thời các nguồn tài chính cho từng chương trình dự án.

Bên cạnh việc quản trị tài chính, để nâng cao năng lực cạnh tranh, bộ phận này cũng phải tham gia vào việc quản lý chi phí trong giá thành sản phẩm và cố gắng giảm thiểu các chi phí về tài chính. Mặt khác, sự tinh xảo hoá về quản lý tài chính có thể giúp Công ty đề nghị với khách hàng nhiều điều kiện thanh toán hấp dẫn hơn, góp phần mang lại hiệu quả cao hơn.

Vốn là điểm yếu của hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam chứ không chỉ riêng PVC-IC. Nếu không có giải pháp về vốn, Công ty khó có thể làm tốt các giải pháp khác. Hiện nay, việc tìm ra giải pháp về vốn là vấn đề khó khăn đối với hầu hết các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa tại Việt Nam. Tuy nhiên đối với PVC-IC có một số thế mạnh có thể giúp huy động vốn không quá khó, vấn đề chính là do quan điểm huy động vốn của Công ty. Hiện nay ngoài các ngân hàng quốc doanh, đã xuất hiện nhiều ngân hàng cổ phần với hình thức cho vay linh hoạt và phương thức hấp dẫn.

d. Giải pháp tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật

Về tiềm lực tài chính thì PVC-IC chưa đủ khả năng để đầu tư hiện đại và đồng bộ về cơ sở vật chất kỹ thuật. Để cạnh tranh thành công trên thị trường thì PVC-IC cần dựa và lợi thế về công nghệ, máy móc thiết bị do đó nên có những giải pháp sau:

- Cần xây dựng chiến lược công nghệ trong dài hạn để định hướng đưa ra những giải pháp về nguồn lực dành cho công nghệ và sử dụng công nghệ. Chiến lược này có liên hệ chặt chẽ với chiến lược kinh doanh của Công ty.
- Cần đầu tư có trọng điểm và đầu tư theo chiều sâu, ưu tiên đầu tư mua sắm thiết bị cấp nhất phục vụ cho thi công xây lắp hiện tại.
- Trước mắt cần cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có phục vụ thi công xây lắp nhằm mục tiêu hạ giá thành và nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.

6. Các rủi ro

Giá dầu thô trên thế giới biến động liên tục và giảm giá sâu trong thời gian vừa qua, nếu tiếp tục giảm giá trong thời gian tới sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tình hình tài chính của tập đoàn cũng như các kế hoạch xây dựng cơ bản của tập đoàn đã được xây dựng. Trong khi đó, hầu hết các công trình xây lắp của công ty PVC-IC đều là các công trình trong ngành và sẽ phụ thuộc rất nhiều vào sự biến động này trong thời gian tới.

Tình hình nợ xấu của các ngân hàng trong thời gian qua cũng đã được giải quyết một phần đáng kể. Tuy nhiên, vẫn chưa được giải quyết một cách triệt để đặc biệt là các ngân hàng đang tìm mọi cách để làm đẹp tình hình tài chính của doanh nghiệp. Do đó, rất

có thể trong thời gian tới lãi suất ngân hàng có thể tăng điều này cũng ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí tài chính của doanh nghiệp.

Trong một vài năm gần đây lực lượng lao động của ngành xây dựng liên tục giảm nguyên nhân là do thời gian vừa qua các khu công nghiệp ngày càng nhiều đã thu hút phần lớn lực lượng lao động trong xã hội. Trong khi Công ty PVC-IC đang chuyển dần sang xây lắp các công trình công nghiệp là chính nên cần một lực lượng lao động rất lớn dẫn đến tình trạng khan hiếm và đẩy mức chi nhân công lên rất cao.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

1. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỶ LỆ (TH/KH)
I	Chỉ tiêu kinh tế tài chính				
1	Vốn điều lệ đầu năm	Tỷ đồng	300,00	300,00	100,00%
2	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	1.330,00	1.342,27	100,92%
3	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.131,00	1.155,34	102,15%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	39,00	48,72	124,92%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	30,42	35,57	116,92%
6	Tỷ suất LNTT/ T.Doanh thu	%	3,34	4,21	126,04%
7	Tỷ suất LNST/ Vốn điều lệ	%	10,14	11,85	116,86%
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%	8,00	7,00	
9	Thuế và nộp ngân sách NN	Tỷ đồng	48,27	85,39	176,90%
II	Đầu tư	Tỷ đồng	143,37	21,93	15,29%
1	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	137,00	18,70	13,64%
2	Mua sắm MMTB	Tỷ đồng	6,37	3,23	50,7%
III	Các chỉ tiêu lao động và thu nhập				

1	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/th	8,30	8,30	100,00%
2	Năng suất lao động bình quân	Trđ/ng/th	174,20	195,15	112,02%
IV	Đào tạo	Tỷ đồng	0,40	0,30	75,00%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

2.1.1. Thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Hồ Sỹ Hoàng	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc
3	Ông Nguyễn Đức Đông	Ủy viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Duy Hưng	Ủy viên HĐQT
5	Ông Mai Xuân Bình	Ủy viên HĐQT

a. Chủ tịch HĐQT – Lê Minh Hải

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 10/12/1976
- Nơi sinh: Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: 87 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu
- Số CMND: 273049297. Nơi cấp: CA.Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày cấp: 25/9/2012

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 11/2001 đến 3/2006	Xí nghiệp Xây dựng số 1- Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Kỹ sư Xây dựng
Từ 4/2006 đến 12/2007	Xí nghiệp Xây dựng số 1- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Kỹ sư Xây dựng
Từ 01/2008 đến 3/2009	Đội công trình số 1 - Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Đội trưởng
Từ 4/2009 đến 11/2009	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Phó Tổng Giám đốc
Từ 12/2009 đến 24/4/2014	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó Giám đốc
Từ 25/4/2014 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 17.000 cổ phần
 - Sở hữu đại diện (Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam): 6.000.000 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

b. Ủy viên HĐQT (kiêm Giám đốc) - Hồ Sỹ Hoàng

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 22/8/1972
- Nơi sinh: Hà Linh, Hương Khê, Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Hà Linh, Hương Khê, Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Lô 10-11 Khu Làng cá Bến Đình, P.9, TP.Vũng Tàu
- Số CMND: 273456932. Nơi cấp: CA. Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày cấp: 04/8/2008

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 01/1999 đến 4/2003	Xí nghiệp Xây dựng số 1- Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Cán bộ kỹ thuật
Từ 5/2003 đến 4/2006	Xí nghiệp Xây lắp và Kinh doanh nhà số 1 - Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Đội trưởng
Từ 5/2006 đến 12/2007	Xí nghiệp Xây lắp và Kinh doanh nhà số 1- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Phó Giám đốc
Từ 1/2008 đến 11/2009	Công ty TNHH một TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Tổng Giám đốc
Từ 12/2009 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 54.700 cổ phần
 - Sở hữu đại diện (Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam): 6.000.000 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

c. Ủy viên HĐQT - Nguyễn Đức Đông

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 20/8/1957
- Nơi sinh: Hà Đông, Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Chương Mỹ, Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: F7 Trần Cao Vân, P.9, TP.Vũng Tàu
- Số CMND: 273408298. Nơi cấp: CA. Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày cấp: 18/4/2012

- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 6/1980 đến 10/1983	Binh đoàn 318	Bộ đội
Từ 11/1983 đến 01/1988	Xí nghiệp Xây dựng số 2- Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí	Cán bộ kỹ thuật
Từ 02/1988 đến 3/1993	Xí nghiệp Xây dựng số 2- Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí.	Phó Giám đốc
Từ 4/1993 đến 12/1993	Đội Xây dựng nhà ở - Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí	Đội phó
Từ 01/1994 đến 8/1997	Phòng quản lý và triển khai dự án - Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Kỹ sư
Từ 9/1997 đến 9/2004	Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Phó phòng Kế hoạch
Từ 10/2004 đến 3/2006	Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Phó phòng Kinh tế kỹ thuật
Từ 4/2006 đến	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Trưởng ban Kiểm soát

12/2007		
Từ 01/2008 đến 3/2009	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Trưởng ban Kiểm soát
Từ 4/2009 đến 11/2009	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng công nghiệp & Dân dụng Dầu khí	Phó Giám đốc
Từ 12/2009 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp & Dân dụng Dầu khí	Ủy viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 5.600 cổ phần
 - Sở hữu đại diện (Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam): 3.300.000 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

d. Ủy viên HĐQT - Nguyễn Duy Hưng

- Giới tính: Nam
 - Sinh ngày: 23/9/1957
 - Nơi sinh: Nghĩa Hùng, Nghĩa Hưng, Nam Định.
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Nghĩa Hùng, Nghĩa Hưng, Nam Định.
 - Địa chỉ thường trú: Số 38 Nguyễn Trung Trực, Phường 9, Vũng Tàu.
 - Số CMND: 273499450. Nơi cấp: CA. Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Ngày cấp: 13/6/2009
- Trình độ văn hóa: 10/10
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - ngành Thống kê công nghiệp.
 - Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/1976 đến 10/1979	X137. Bộ đội E232 - Trường trung học Kinh tế - Thuộc Tổng cục kỹ thuật	Bộ đội
Từ 11/1979 đến 11/1983	Trường Đại học kinh tế kế hoạch Hà Nội (Bộ đội cử đi học)	Sinh viên
Từ 12/1983 đến 9/1988	Phòng Tham mưu kế hoạch - Cục hậu cần Quân khu I	Thượng úy
Từ 10/1988 đến 12/1989	Xí nghiệp cung ứng vật tư- XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí	Chuyên viên
Từ 01/1990 đến 9/1992	XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí	Chủ nhiệm Tổng kho
Từ 10/1992 đến 3/1993	Đội xây dựng số 7- XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí	Kế toán
Từ 4/1993 đến 11/1995	Đội xây dựng số 7- XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí	Kế toán trưởng
Từ 12/1995 đến 12/2004	Xí nghiệp xây dựng số 4- Công ty Thiết kế & Xây dựng Dầu khí	Kế toán trưởng
Từ 01/2005 đến 3/2006	Xí nghiệp sửa chữa các công trình Dầu khí – Công ty Thiết kế & Xây dựng Dầu khí	Kế toán trưởng
Từ 4/2006 đến 11/2007	Xí nghiệp sửa chữa các công trình Dầu khí – Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Kế toán trưởng
Từ 12/2007 đến 11/2009	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Kế toán trưởng
Từ 12/2009 đến 19/2/2013	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Kế toán trưởng
Từ 18/2/2013 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Ủy viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

e. Ủy viên HĐQT - Mai Xuân Bình

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 06/01/1959
- Nơi sinh: Phong Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phong Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình.
- Địa chỉ thường trú: 2/18 Phạm Ngọc Thạch, Phường 9, Vũng Tàu
- Số CMND: 273435758. Nơi cấp : CA. Bà Rịa - Vũng Tàu
Ngày cấp : 12/4/2008
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Chuyên viên 8/8
- Chức vụ đoàn thể: Chủ tịch Công đoàn PVC - IC
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 6/1978 đến 3/1979	Trường công nhân kỹ thuật xây dựng – Bình Trị Thiên	Giáo viên
Từ 4/1979 đến 10/1983	E759 – Binh đoàn 318	Bộ đội
Từ 12/1983 đến 3/1993	Xí nghiệp Xây dựng số 3 – Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí	Đội trưởng
Từ 4/1993 đến 11/1995	Xí nghiệp Xây dựng số 3 – Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí	Phó Giám đốc

Từ 12/1995 đến 3/2006	Xí nghiệp Xây dựng số 3 – Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Phó Giám đốc
Từ 4/2006 đến 1/2008	Xí nghiệp Xây dựng số 3 – Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Phó Giám đốc
Từ 2/2008 đến 11/2009	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó Chỉ huy trưởng
Từ 11/2009 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí	Ủy viên HĐQT, Chủ tịch công đoàn kiêm Chỉ huy trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2.1.2. Ban Giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc
2	Ông Hà Quốc Hải	Phó Giám đốc
3	Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Giám đốc
4	Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc
5	Ông Nghiêm Trung Minh	Phó Giám đốc
6	Ông Ngô Văn Tuy	Phó Giám đốc
7	Ông Phùng Văn Công	Phó Giám đốc
8	Ông Nguyễn Hữu Đức	Phó Giám đốc

a. Giám đốc - Hồ Sỹ Hoàng (xem phần b – Hội đồng quản trị)

b. Phó Giám đốc - Hà Quốc Hải

- Giới tính: Nam
 - Sinh ngày: 19/8/1961
 - Nơi sinh: Liên Châu, Yên Lạc, Vĩnh Phúc
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Liên Châu, Yên Lạc, Vĩnh Phúc
 - Địa chỉ thường trú: 39/52 Thống Nhất, Phường 3, Vũng Tàu
 - Số CMND: 273328218. Nơi cấp: CA. Bà Rịa - Vũng Tàu
- Ngày cấp: 11/10/2005
- Trình độ văn hóa: 10/10
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại thương
 - Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1983 đến 11/1985	E190F345 Quân khu 2	Bộ đội
12/1985 đến 9/1986	Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội	Chuyên viên
10/1986 đến 12/1990	Công ty Du lịch Vũng Tàu	- Trưởng trạm giao nhận hàng xuất nhập khẩu - Phó giám đốc Công ty Liên doanh Choyon
01/1991 đến 5/1993	Công ty Dịch vụ Du lịch Vũng Tàu	Phó giám đốc Xí nghiệp
6/1993 đến 5/1999	Công ty Đầu tư xây dựng và Thương mại tỉnh BR-VT	Trưởng phòng Hợp tác - Đầu tư
8/1999 đến 12/2002	Phòng Kế hoạch đầu tư - Công ty Thiết kế và	Chuyên viên

	xây dựng dầu khí	
01/2003 đến 01/2004	Phòng Tiếp thị đấu thầu - Công ty Thiết kế và Xây dựng dầu khí	Chuyên viên
02/2004 đến 9/2004	Công ty Thiết kế và Xây dựng dầu khí	Phó chánh văn phòng
10/2004 đến 3/2006	Công ty Thiết kế và Xây dựng dầu khí	Phó phòng TCHC
4/2006 đến 7/2007	Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí	Phó phòng TCHC
8/2007 đến 11/2007	Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí	Chánh văn phòng
12/2007 đến 11/2009	Công ty TNHH một TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí	Phó Tổng giám đốc
12/2009 đến 5/2011	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí	Phó Tổng giám đốc
6/2011 đến nay	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí	Phó giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

c. Phó Giám đốc – Nguyễn Văn Hải

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 20/11/1958
- Nơi sinh: Khánh Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Khánh Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh

- Địa chỉ thường trú: 285 Nguyễn Hữu Cảnh, P. Thắng Nhất, Vũng Tàu
- Số CMND: 273387229. Nơi cấp: CA. Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày cấp: 26/02/2007

- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu đường
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 6/1976 đến 10/1978	Sư đoàn 441 - Quân khu 4	Bộ đội
Từ 11/1978 đến 02/1979	Trường Quân chính - Quân khu 4	Học viên
Từ 3/1979 đến 7/1984	Binh đoàn 318 - Vũng Tàu	Bộ đội
Từ 8/1984 đến 12/1984	Xí nghiệp Thi Công Cơ Giới – XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí	Cán bộ kỹ thuật
Từ 01/1985 đến 5/1987	Xí nghiệp Thi Công Cơ Giới – XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí	Đội phó
Từ 6/1987 đến 12/1993	Xí nghiệp Thi Công Cơ Giới – XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí	Cán bộ kỹ thuật
Từ 01/1994 đến 4/2003	Xí nghiệp Thi Công Cơ Giới - Công ty Thiết kế & Xây dựng Dầu khí	Cán bộ kỹ thuật
Từ 5/2003 đến 3/2006	XN Thi Công Cơ giới - Công ty Thiết kế & Xây dựng Dầu khí	Trưởng phòng Kỹ thuật
Từ 4/2006 đến 7/2007	XN Thi Công Cơ giới - Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí	Trưởng phòng Kỹ thuật
Từ 8/2007 đến 12/2007	XN Xây lắp & Thi Công Cơ giới - Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí	Phó Giám đốc
Từ 01/2008 đến 5/2008	XN Thi Công Cơ giới - Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí	Phó Giám đốc
Từ 6/2008 đến 11/2009	Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Công	Phó Tổng Giám đốc

	nghiệp và Dân dụng dầu khí	
Từ 12/2009 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

d. Phó Giám đốc – Phạm Mạnh Cường

- Giới tính: Nam
 - Sinh ngày: 11/7/1970
 - Nơi sinh: Lạng Sơn
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Bắc Giang
 - Địa chỉ thường trú: 24D7 Phan Kế Bính, Phường 9, Vũng Tàu
 - Số CMND: 273546991. Nơi cấp: CA. Bà Rịa - Vũng Tàu
- Ngày cấp: 30/11/2010
- Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy - ngành CK chế tạo.
 - Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 7/1988 đến 12/2003	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Kỹ sư
Từ 01/2004 đến 3/2006	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Thiết	Phó Trưởng phòng

	kế và Xây dựng Dầu khí	
Từ 4/2006 đến 7/2007	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Phó Trưởng phòng
Từ 8/2007 đến 11/2007	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Trưởng phòng
Từ 12/2007 đến 11/2009	Phòng Vật tư thiết bị - Công ty TNHH MTV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Trưởng phòng
Từ 12/2009 đến 02/2010	Phòng Vật tư thiết bị - Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Trưởng phòng
Từ 3/2010 đến 3/2010	Công trường Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 - Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Giám đốc Dự án
Từ 4/2010 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

e. Phó Giám đốc – Nghiêm Trung Minh

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 21/10/1979
- Nơi sinh: Ninh Bình.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ninh Bình.

- Địa chỉ thường trú: C27 KP3 Long Thành, Biên Hòa, Đồng Nai
- Số CMND: 271777409. Nơi cấp: CA. Đồng Nai
Ngày cấp: 30/5/2006
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Cầu đường.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 9/2006 đến 12/2007	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Kỹ sư
Từ 01/2008 đến 4/2008	Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty TNHH 1TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Kỹ sư
Từ 5/2008 đến 11/2009	Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Đội trưởng
Từ 12/2009 đến 02/2010	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.	Trưởng phòng
Từ 3/2010 đến 4/2010	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Giám đốc Dự án
Từ 5/2010 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 5.775 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

f. Phó Giám đốc - Ngô Văn Tuy

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 14/04/1959
- Nơi sinh: Chương Dương, Đông Hưng, Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Chương Dương, Đông Hưng, Thái Bình.
- Địa chỉ thường trú: Số 55 Tôn Thất Thuyết, phường 9, TP Vũng Tàu
- Số CMND: 273468960. Nơi cấp: CA. Bà Rịa - Vũng Tàu
Ngày cấp: 28/10/2008
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - ngành Thống kê công nghiệp.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/1981 đến 3/1981	Nhập ngũ sư đoàn tại sư 321 quân khu Thủ Đô	Thiếu úy
Từ 3/1981 đến 01/1984	Sĩ quan Binh đoàn 318	Trung úy
Từ 2/1984 đến 7/1989	Xí nghiệp xây dựng số 1, XN Liên hợp xây lắp Dầu khí.	Phó phòng Kế toán
Từ 8/1989 đến 7/1995	Xí nghiệp xây dựng số 3, XN Liên hợp xây lắp Dầu khí,	Kế toán trưởng
Từ 8/1995 đến 11/2006	Xí nghiệp xây dựng số 3, Công ty thiết kế và xây dựng Dầu khí.	Trưởng phòng Kế toán
Từ 12/2006 đến 11/2007	Xí nghiệp xây dựng số 3, Công ty thiết kế và xây dựng Dầu khí.	Phó Giám đốc Xí nghiệp
Từ 12/2007 đến 3/2009	Công ty TNHH 1TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, TCT Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam.	Phó Tổng Giám đốc

Từ 4/2009 đến 7/2010	Công ty Cổ phần Quản lý và phát triển nhà Dầu khí miền Nam.	Tổng Giám đốc
Từ 7/2010 đến 9/2011	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó Giám đốc
Từ 9/2011 đến 19/02/2013	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Ủy viên HĐQT
Từ 18/02/2013 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

g. Phó Giám đốc – Phùng Văn Công

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 02/6/1974
- Nơi sinh: Nam Điền, Nam Trực, Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Điền, Nam Trực, Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: 32D10 Lương Thế Vinh, Phường 9, Vũng Tàu
- Số CMND: 273479994. Nơi cấp: CA. Bà Rịa – Vũng Tàu

Ngày cấp: 09/5/2009

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1993 đến 1994	Xí nghiệp Xây dựng số 4 thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.	Công nhân
Từ 1995 đến 1999	Trường Đại học Công Đoàn.	Sinh viên
Từ 1999 đến 2002	Phòng TCKT – Xí nghiệp Xây dựng số 4 thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Nhân viên
Từ 2002 đến 2004	Xí nghiệp Xây dựng số 4 thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.	Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 2005 đến 3/2006	Xí nghiệp Xây lắp và kinh doanh nhà số 1 thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 4/2006 đến 12/2007	Xí nghiệp Xây lắp và kinh doanh nhà số 1 thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 01/2008 đến 6/2008	XN sửa chữa các công trình Dầu khí thuộc Công ty TNHH 1TV Xây lắp đường ống BB Dầu khí	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 7/2008 đến 9/2009	Công ty TNHH 1TV Xây lắp đường ống BB Dầu khí	Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 10/2009 đến 02/2011	Công ty Cổ phần đầu tư KCN Dầu khí IDICO Long Sơn.	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 3/2011 đến 3/2012	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí.	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 4/2012 đến 4/2013	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí.	Trưởng ban Kiểm soát
Từ 26/4/2013 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí.	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 2.400 cổ phần

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

h. Phó Giám đốc – Nguyễn Hữu Đức

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 10/9/1975
- Nơi sinh: Lạng Sơn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thị Cầu, Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: A22, Đường 672, Tổ 2, Khu phố 1, Phường Phước Long B, Quận 9, Hồ Chí Minh
- Số CMND: 273191704. Nơi cấp: CA. Bà Rịa – Vũng Tàu
- Ngày cấp: 13/3/2006
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh quốc tế.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 7/1997 đến 4/1998	Công ty Đầu tư và Phát triển Xây dựng Vũng Tàu	Kỹ sư công trường
Từ 5/1998 đến 4/2000	Công ty Xây lắp tỉnh BR-VT	Kỹ sư phụ trách dự án Trụ sở làm việc hải quan tỉnh BR-VT
Từ 5/2000 đến 2/2001	Tập đoàn xây dựng TOA (Nhật Bản)	Kỹ sư giám sát, dự án Nhà máy điện Phú Mỹ I
Từ 3/2001 đến 6/2002	Công ty XD và Thiết kế dầu khí - Xi nghiệp 3	Chỉ huy trưởng
Từ 7/2002 đến 6/2003	Tập đoàn xây dựng HAZAMA (Nhật Bản)	Kỹ sư giám sát. dự án nhà máy điện Phú Mỹ 2, Phú Mỹ 4
Từ 7/2003 đến	Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp	Chỉ huy trưởng công trường,

8/2005	Việt Nam	dự án nhà máy sợi FORMOSA
Từ 9/2005 đến 4/2006	Liên danh các Tập đoàn xây dựng KTOM (Nhật Bản)	Kỹ sư phụ trách dự án Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất
Từ 5/2006 đến 4/2008	Tập đoàn xây dựng TOA (Nhật Bản)	Kỹ sư giám sát trưởng, dự án nhà máy điện Ô Môn, Cảng container quốc tế Nhà Bè
Từ 5/2008 đến 8/2008	Công ty TNHH 1 thành viên Xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Chỉ huy trưởng công trường, dự án nhà máy nhựa TPC-VINA
Từ 8/2008 đến 3/2009	Công ty TNHH 1 thành viên Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Phó Tổng Giám đốc
Từ 4/2009 đến 6/2009	Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Giám đốc Ban điều hành dự án Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2
Từ 6/2009 đến 9/2009	Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Phó Giám đốc Ban điều hành dự án Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2
Từ 9/2009 đến 6/2010	Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Giám đốc Ban điều hành dự án Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2
Từ 19/6/2010 đến 2/12/2014	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Giám đốc
Từ 14/01/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Phó Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

- Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2.1.3. Kế toán trưởng – Lê Ngọc Hoàng

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 14/05/1967
- Nơi sinh: Thạch Mỹ, Lộc Hà, Hà Tĩnh.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thạch Mỹ, Lộc Hà, Hà Tĩnh.
- Địa chỉ thường trú: Số 11 Đồng Đa, Phường Thắng Nhất, Vũng Tàu
- Số CMND: 273375374. Nơi cấp: CA. Bà Rịa – Vũng Tàu
- Ngày cấp: 20/09/2008
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý công nghiệp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 02/1985 đến 07/1987	Trung đoàn 414 - Quân khu 4	Bộ đội
Từ 8/1988 đến 7/1991	Trường Trung cấp Thống kê II	Sinh viên
Từ 12/1991 đến 12/1994	Xí nghiệp Thi Công Cơ Giới – XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí	Kế toán Vật tư, kế toán Ngân hàng
Từ 01/1995 đến 10/2006	Xí nghiệp Thi Công Cơ Giới – Công ty Thiết kế & Xây dựng Dầu khí	Kế toán Tổng hợp, kế toán công nợ
Từ 11/2006 đến 7/2007	Xí nghiệp Xây lắp và Thi Công Cơ Giới – Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 8/2007 đến 12/2007	Xí nghiệp Xây lắp và Thi Công Cơ Giới - Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 01/2008 đến	Xí nghiệp Thi Công Cơ giới - Công ty TNHH	Trưởng phòng Tài

4/2008	1 TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí	chính kế toán
Từ 5/2008 đến 11/2009	Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng dầu khí	Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 12/2009 đến 19/02/2013	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó phòng Tài chính kế toán
Ngày 18/02/2013 đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính kế toán

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 3.100 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2.1.4. Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Hoan	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Hoàng Xuân Nam	Thành viên BKS
3	Ngô Thị Thu Hoài	Thành viên BKS

a. Trưởng ban kiểm soát – Nguyễn Thị Hoan

- Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 10/01/1963
- Nơi sinh: Sơn Trà, Hương Sơn, Hà Tĩnh.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Sơn Trà, Hương Sơn, Hà Tĩnh.
- Địa chỉ thường trú: 11F Khu nhà ở đời 2 Bình Giã, Phường 10, Vũng Tàu
- Số CMND: 273447636. Nơi cấp: CA. Bà Rịa – Vũng Tàu

Ngày cấp: 16/8/2008

- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 8/1988 đến 11/1994	Xí nghiệp Xây dựng số 1- XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí - Vũng Tàu	Nhân viên
Từ 12/1994 đến 11/2002	Xí nghiệp Xây dựng số 1 Công ty Thiết kế & Xây dựng Dầu khí - Vũng Tàu	Nhân viên
Từ 12/2002 đến 9/2004	Xí nghiệp Xây dựng số 1- Công ty Thiết kế & Xây dựng Dầu khí – Vũng Tàu	Chuyên viên
Từ 10/2004 đến 3/2006	Xí nghiệp Xây lắp & Kinh doanh nhà số 1- Công ty Thiết kế & Xây dựng Dầu khí	Chuyên viên
Từ 4/2006 đến 7/2006	Xí nghiệp Xây lắp & Kinh doanh nhà số 1- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí - Vũng Tàu	Chuyên viên
Từ 8/2006 đến 12/2007	Xí nghiệp Xây lắp & Kinh doanh nhà số 1- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí - Vũng Tàu	Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 01/2008 đến 3/2008	Xí nghiệp Xây lắp & Kinh doanh nhà số 1- Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí - Vũng Tàu	Kế toán trưởng
Từ 4/2008 đến 10/2009	Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí - Vũng Tàu	Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 11/2009 đến 17/3/2014	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí - Vũng Tàu	Phó phòng Tài chính kế toán
Từ 18/3/2014 đến	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp & Dân	Phó phòng Tổ

33297
NG TY
PHÂN
CÔNG
DÂN D
DẦU K
4U-T.B

24/04/2014	dụng Dầu khí - Vũng Tàu	chức hành chính
Từ 25/4/2014 đến nay	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí - Vũng Tàu	Trưởng Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 9.750 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 4.850 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

b. Thành viên Ban Kiểm soát – Hoàng Xuân Nam

- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 26/05/1986
- Nơi sinh: Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Linh, Quảng Trị.
- Địa chỉ thường trú: Cù Bị, Châu Đức, Bà Rịa – Vũng Tàu
- Số CMND: 273186029. Nơi cấp: CA. Bà Rịa – Vũng Tàu
Ngày cấp: 15/8/2001
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Xây dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 7/2008 đến 02/2010	Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải phía Nam	Kỹ sư
Từ 03/2010 đến	Phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty cổ phần Xây	Kỹ sư

25/04/2011	dụng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	
Từ 26/04/2011 đến nay	Phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty cổ phần Xây dụng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Kỹ sư kiêm nhiệm thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: 0 cổ phần

- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

c. Thành viên Ban kiểm soát: Ngô Thị Thu Hoài

- Giới tính: Nữ
 - Sinh ngày: 29/04/1975
 - Nơi sinh: Hải Hậu, Nam Định.
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Hải Hậu, Nam Định.
 - Địa chỉ thường trú: C5F312 Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
 - Số CMND: 011892215. Nơi cấp : CA. Hà Nội
- Ngày cấp: 28/5/2010
- Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
 - Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 4/1997 đến 5/1997	Công ty xây dựng 319 Bộ Quốc Phòng	Nhân viên kế toán

Từ 6/1997 đến 12/2007	Xí nghiệp 9 - Công ty xây dựng 319 Bộ Quốc Phòng	Nhân viên kế toán
Từ 01/2008 đến 11/2008	Ban Tài chính kế toán - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.	Nhân viên kế toán
Từ 11/2008 đến 8/2009	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.	Phó Ban Tài chính kế toán (TCKT)
Từ 9/2009 đến 12/2009	Chi nhánh Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Phụ trách Phòng Tài chính kế toán
Từ 01/2010 đến 10/2010	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.	Phó trưởng Ban Tài chính kế toán
Từ 3/2010 đến 10/2010	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó trưởng Ban Tài chính kế toán Thành viên BKS kiêm nhiệm
Từ 10/2010 đến 6/2013	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Thành viên BKS kiêm nhiệm
Từ 7/2010 đến nay	Tổng công Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Phó trưởng Ban TCKT, Kiểm toán Thành viên BKS kiêm nhiệm

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 21.000 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ khác đối với Công ty: Không.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

Ngày 14/01/2015, Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết số 16/NQ-HĐQT về việc tiếp nhận và bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Đức giữ chức Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2015, tổng số lao động của Công ty là **592** người.

Cơ cấu lao động của công ty PVC – IC

Phân theo giới tính	Số lượng
Nam	528
Nữ	64
Tổng	592
Phân theo trình độ chuyên môn	
Thạc sĩ	07
Đại học	218
Cao đẳng	42
Trung cấp	74
Cán sự và nhân viên khác	06
Dạy nghề và lao động phổ thông	245
Tổng	592
Lương bình quân/người (cả năm 2015)	8.300.000 đồng

2.3.1. Chính sách đào tạo

Trong nền kinh tế tri thức, nguồn nhân lực có chất lượng cao là một nhân tố then chốt dẫn đến thành công của các công ty. Nhận thức được điều này, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nâng cao trình độ tay nghề, nâng cao hiệu quả trong công việc. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng trong việc nâng cao ý thức của người lao động về bảo vệ môi trường, tài nguyên.

Năm 2015 thực hiện đào tạo 461 lượt người với số tiền : 294.100.000 đồng.

2.3.2. Chính sách lương

Công ty xây dựng Quy chế trả lương, trả thưởng và hệ thống thang bảng lương theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt ban hành theo quyết định số 42/QĐ-CNDD ngày 01/3/2016 thay thế cho Quy chế trả lương, trả thưởng ban hành kèm theo quyết định số 108/QĐ-CNDD ngày 16/8/2012. Việc trả lương của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, gắn liền với năng suất, chất lượng đồng thời khuyến khích Người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành công việc được giao.

2.3.3. Các chính sách đãi ngộ khác

- Người lao động làm việc tại PVC – IC được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng luật định.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong toàn thể đội ngũ CBCNV.
- Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại, khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV học tập, nâng cao trình độ để gắn bó làm việc lâu dài tại PVC – IC.
- Có kế hoạch phát động phong trào thi đua tại Công ty hàng quý, năm.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

3.1. Dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ văn phòng và căn hộ tại Số 33A đường 30/4, phường 9, TP.Vũng Tàu – Tổng mức đầu tư: 798,9 tỷ đồng

- Tình hình triển khai dự án: Dự án đã thi công xong phần cọc khoan nhồi và đang tiếp tục triển khai thi công phần móng, tầng hầm, dự án đã được ký hợp đồng thu xếp vốn với Ngân hàng thương mại cổ phần Liên Việt chi nhánh Vũng Tàu, ngoài ra công tác tiếp thị, bán hàng của dự án đang được triển khai tương đối hiệu quả nhờ vào tình hình biến động mang tính tích cực của thị trường Bất động sản nói chung và thị trường bất động sản tại thành phố Vũng Tàu.
- Giá trị thực hiện trong năm 2015: 18,7 tỷ đồng
- Công tác thu xếp vốn và giải ngân: Tổng giá trị giải ngân từ đầu dự án là 94,7 tỷ đồng, trong đó: Vốn chủ sở hữu là 76 tỷ đồng, Vốn khác 18,7 tỷ đồng
- Nhận xét: Đây là dự án đầu tư trọng điểm của PVC-IC trong giai đoạn 2015 – 2020.

**3.2. Dự án Khu nhà ở CBCNV PVC-IC tại 242 Nguyễn Hữu Cảnh, phường
Thống Nhất, TP.Vũng Tàu – Tổng mức đầu tư: 361,2 tỷ đồng**

- Tình hình triển khai dự án: Năm 2015, công ty đã bán xong toàn bộ 396 căn hộ/396 căn hộ, thu về được khoảng 258 tỷ đồng đạt trên 81% giá trị Hợp đồng. Hiện nay, toàn bộ các căn hộ cũng như phần thương mại đã bán và bàn giao cho khách hàng theo đúng Hợp đồng đã ký kết, Công ty đang làm thủ tục chuyển giao dự án cho Ban quản trị Chung cư và làm sổ đỏ cho từng căn hộ.

**3.3. Dự án Khu du lịch Thanh Bình Phường 10, TP.Vũng Tàu – Tổng mức đầu
tư: 106,6 tỷ đồng/20.000 M2 đất**

- Tình hình triển khai dự án: PVC-IC đã ký Hợp đồng chuyển nhượng dự án với Công ty Thanh Bình để nhận chuyển nhượng 1,999 ha đất để xây dựng chung cư. Hiện tại, các bên đã tiến hành thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng dự án với giá trị là 106,6 tỷ đồng.
- Hồ sơ pháp lý: Hiện tại, PVC-IC đã đứng tên chủ sử dụng 1,999 ha đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (9.995m2 đất cơ sở sản xuất kinh doanh, thời hạn sử dụng đất 50 năm và 9.995m2 đất chuyên dùng, thời hạn sử dụng đất lâu dài). Dự án đã được phê duyệt quy hoạch 1/500 với chức năng chung cư cao cấp, mật độ xây dựng là 40% với 5 tòa tháp có chiều cao từ 23 đến 27 tầng. Do ảnh hưởng của thị trường bất động sản suy thoái, phân khúc căn hộ cao cấp rất khó huy động vốn nên PVC-IC đang xin điều chỉnh quy hoạch từ chức năng chung cư cao tầng sang nhà ở biệt thự thấp tầng để sớm thu hồi vốn.
- Công tác thu xếp vốn và giải ngân: Tổng giá trị giải ngân từ đầu dự án là 106,6 tỷ đồng và hoàn toàn bằng nguồn vốn chủ sở hữu.

3.4. Dự án Chung cư Hiệp Bình Chánh – Tổng mức đầu tư 377 tỷ đồng

- Tình hình triển khai dự án: ngày 03/8/2010, PVC-IC đã ký Hợp đồng chuyển nhượng dự án với Công ty CP Đầu tư Đại Hải nhận chuyển nhượng 7.373m2 đất để xây dựng chung cư với giá 9,5 triệu đồng/m2 đất. Tổng giá trị hợp đồng là 70,04 tỷ đồng. PVC-IC đã thanh toán cho Đại Hải 35 tỷ đồng. Hiện tại, do ảnh hưởng của thị trường bất động sản suy thoái, PVC-IC và Đại Hải đã làm việc và thống nhất xin điều chỉnh quy hoạch từ chức năng chung cư sang nhà liên kế để bán hàng và thu hồi vốn. Ngày 05/4/2013 đã có Quyết định số 2008/QĐ-UBND của UBND Quận Thủ Đức về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức.
- Giá trị thực hiện trong năm: không
- Công tác thu xếp vốn và giải ngân: Tổng giá trị giải ngân từ đầu dự án là 35,0 tỷ đồng và hoàn toàn bằng nguồn vốn chủ sở hữu.

- Phương án kinh doanh: Hiện nay Chủ đầu tư đã triển khai công tác bán hàng, dự kiến trong năm 2016 Công ty sẽ thu hồi vốn đầu tư của Dự án để bổ xung vốn lưu động.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2014	2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1,491,237,842,872	1,243,504,565,497	-16.61%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	903,928,674,969	1,139,516,313,795	26.06%
Lợi nhuận trước thuế	32,832,413,927	48,723,882,401	48.40%
Lợi nhuận sau thuế	24,676,372,090	35,572,176,320	44.15%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	8%	-20.00%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2014	2015	% tăng giảm
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.2367	1.0443	-15.56%
+ Hệ số thanh toán nhanh			
<u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0.8901	0.8201	-7.87%
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.7717	0.7246	-6.11%
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	3.3804	2.6306	-22.18%
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực tài chính</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			

<u>Giá vốn hàng bán</u>	2.5361	3.8899	53.38%
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.6062	0.9164	51.18%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.0273	0.0312	14.35%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.0725	0.1039	43.28%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.0165	0.0286	72.87%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.0466	0.0379	-18.68%

5. Cơ cấu cổ đông

- Tổng số cổ phần PXI đang lưu hành là: 30.000.000 cổ phần.
- Số cổ phần phổ thông là: 30.000.000 cổ phần
- Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 20/3/2015:

STT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng	Cơ cấu cổ đông	
				cổ đông	Tổ chức	Cá nhân
Tổng số lượng cổ phiếu		30.000.000	100,00%	1513	12	1501
1	Cổ đông lớn (Sở hữu từ 5% cổ phiếu trở lên)	15.300.000	51,00%	1	1	0
2	Cổ đông khác (Sở hữu dưới 5% cổ phiếu)	14.700.000	49,00%	1512	11	1501
	- Trong nước:	14.115.960	47,05%	1501	5	1496
	- Nước ngoài:	584.040	1,95%	11	6	5
3	Cổ phiếu quỹ	0	0,00%	0	0	0

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2015

1.1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận.

1.1.1. Giá trị sản lượng: 1.342,27 tỷ đồng đạt 101% kế hoạch năm.

Trong năm 2015 hầu hết các công trình do PVC-IC thi công đã đạt được kế hoạch đề ra ban đầu, tuy nhiên vẫn còn một số công trình thi công chậm tiến độ do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau như:

- Công trình tòa nhà HH1- VSP phải dừng thi công 1 tháng, chờ thủ tục của VSP về xử lý thiết kế cầu nối giữa hai khối nhà;
- Công trình Âu tàu Rạch chanh do chưa giải quyết một số vướng mắc kịp thời tại công trường;
- Công trình Viện Dầu khí: Trong quá trình thi công có một số khiếm khuyết và thay đổi công năng sử dụng dẫn đến công trình phải giãn tiến độ thi công so với kế hoạch ban đầu;
- Công trình Trường đại học Dầu khí chỉ thi công được khối văn phòng, còn lại Chủ đầu tư chưa giao được mặt bằng thi công các hạng mục còn lại.

1.1.2. Doanh thu: 1.155,34 tỷ đồng đạt 102% kế hoạch năm.

Doanh thu vượt kế hoạch đề ra chủ yếu là do hai yếu tố: Thứ nhất là do doanh thu xây lắp mà chủ yếu là từ các công trình đang thi công, thứ hai là do doanh thu từ việc bán các căn hộ tại chung cư 242 Nguyễn Hữu Cánh Vũng Tàu. Mặc dù vậy, công tác quyết toán các công trình đã thi công xong còn chậm, đặc biệt là một số các công trình thi công xong từ trước năm 2014 đến nay vẫn chưa quyết toán được do vướng mắc ở phần khối lượng phát sinh.

1.1.3. Lợi nhuận trước thuế: 48,72 tỷ đồng đạt 125% kế hoạch năm.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu là 3,08% đây là mức tỷ suất khá cao của một công ty xây dựng trong thời buổi nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn như hiện nay, do công ty đã tận dụng tối đa các thiết bị máy móc và các công cụ dụng cụ đã được đầu tư để đưa vào thi công. Mặt khác các công trình phải đấu thầu rộng rãi mức cạnh tranh rất cao và để trúng thầu thì phải hạ mức lợi nhuận tới mức rất thấp hoặc hòa vốn. Nó thể hiện sự linh hoạt, nhạy bén trong công tác quản lý điều hành của ban lãnh đạo công ty, các chính sách mới, cách quản lý chặt chẽ đã đem lại hiệu quả rõ ràng.

1.2. Những điểm nổi bật trong năm Công ty đã đạt được

1.2.1. Công tác thi công xây lắp

Trong năm qua Công ty đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng các công trình như:

- Hạng mục Phần thô Công trình HH1- VSP;
- Văn phòng và phòng học - Trường Đại học Dầu khí;
- 03 Block Khu nhà ở Dịch vụ Dầu khí – Nghi Sơn Thanh Hóa;
- Công trình Viện Dầu khí Giai đoạn 1;
- Xây dựng Âu Tàu Rạch Chanh tại Long An;
- Công trình Trại tạm giam - Công an tỉnh BR-VT.

Và các dự án trọng điểm Công ty tập trung triển khai thi công trong năm 2015 chuyển tiếp qua năm 2016 đó là :

- Dự án Nhiệt điện 2 Thái Bình;
- Dự án Nhà máy Lọc Dầu Nghi Sơn Thanh Hóa (Gói CLV6);
- Gói thầu BLD-3b Nghi Sơn Thanh Hóa;
- Công trình Chung Cư Huỳnh Tấn Phát Quận 7 thành phố Hồ Chí Minh;
- Trường Đại Học Dầu khí.

1.2.2. Công tác đầu tư

Thực hiện chỉ thị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc rà soát và cắt giảm đầu tư đối với các dự án chưa thực sự cần thiết, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Được sự giúp đỡ của các cơ quan ban ngành tỉnh BR-VT, năm 2015 Công ty đã hoàn thành **“Dự án Khu nhà ở CBCNV PVC-IC tại số 242 Nguyễn Hữu Cánh”**.

Dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ văn phòng và căn hộ tại Số 33A đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, hiện Công ty đang triển khai thi công phần móng tầng hầm của dự án. Tuy nhiên công tác bán hàng đã được triển khai tương đối thuận lợi với số căn hộ đăng ký giữ chỗ đạt 50% trên tổng số căn hộ của dự án, phần sàn thương mại và dịch vụ đã có một số đối tác quan tâm tuy nhiên Công ty vẫn đang lựa chọn cho phù hợp với tình hình tài chính cũng như điều kiện cụ thể của dự án để quyết định. Dự kiến dự án sẽ hoàn thành trong quý 1 năm 2018.

Dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát tại quận 7, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị góp vốn là **12,9 tỷ đồng**, hiện tại dự án đã thi công đến tầng 20/28 tầng, công tác bán hàng gặp nhiều thuận lợi. Dự kiến dự án hoàn thành trong quý 2/2017.

Ngoài ra trong năm qua Công ty không đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị lớn mới mà chủ yếu đại tu, sửa chữa những máy móc thiết bị thi công hiện có, chỉ mua sắm những công cụ dụng cụ, thiết bị quản lý thật sự cần thiết phục vụ quản lý và thi công.

1.2.3. Công tác tiếp thị đấu thầu

Năm 2015 là năm đánh dấu những sự thay đổi lớn trong công tác đấu thầu so với những năm trước đây đặc biệt là luật đấu thầu thầu sửa đổi có hiệu lực từ ngày 1/7/2014 có nhiều những quy định ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tiếp thị đấu thầu của Công ty, làm cho Công ty ít được hưởng những chính sách ưu đãi từ tập đoàn và các công ty trong ngành. Tuy nhiên, Công ty đã nỗ lực trong công tác tiếp thị đấu thầu để tìm kiếm thêm nguồn việc làm cho CBCNV, bên cạnh đó nhờ sự quan tâm giúp đỡ của Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong việc giao và chỉ định thầu các công trình trong ngành như sau:

Stt	Tên công trình/Dự án	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Giá trị Hợp đồng (Đơn vị: Đồng)
1	Thi công xây lắp phần kết cấu, kiến trúc, ME và hoàn thiện nội thất 3 block nhà 2,5,6 công trình: Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn.	001/2015/HĐ- Petrosetco- PVCIC	31/01/2015	145.568.719.000
2	Phụ lục hợp đồng bổ sung công tác và giá trị các công tác phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng thi công xây dựng và lắp đặt - Gói BLD3b Nghi Sơn.	07/2015/PLBS /PVC-PVC.IC /NGHISON	30/12/2015	11.614.205.236
3	Phụ lục hợp đồng gia cường bến cảng khu vực đường trượt số 0,1,2 và móng topside Mộc Tinh thuộc dự án Biển đông 1 và Đại Hùng, thi công hệ thống điện và chiếu sáng cho bãi chế tạo/ đường trượt số 2.	ADD1-1106/10 /T-N3/VSP7- PVC-IC	25/04/2015	152.662.668.000
4	Bổ sung hợp đồng số 4 - ADD4-0811/11/T-N3/VSP7-PVC.IC về việc: Cung cấp và lắp đặt phần	BSHĐ số 4 ADD4-0811 /11/T-N3	02/04/2015	42.898.199.000

	nội thất khối ngủ- Khối khách sạn Nhà điều dưỡng Hồng Phúc.	/VSP7-PVC.IC		
5	Bổ sung hợp đồng số 5 - ADD5-0811/11/T-N3/VSP7-PVC.IC về việc: Phần Hồ bơi, phụ trợ, tổng thể-Nhà điều dưỡng Hồng Phúc.	BSHĐ số 5 ADD5-0811 /11/T-N3 /VSP7-PVC.IC	02/04/2015	58.116.924.000
6	Bổ sung hợp đồng số 7 - ADD7-0811/11/T-N3/VSP7-PVC.IC về việc: Hệ thống cơ điện M&E- Khối khách sạn - Nhà điều dưỡng Hồng Phúc.	0811/11/T-N3 /VSP7-PVC.IC	12/10/2015	59.945.986.000
7	Thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị công trình: Spa và đường vào spa Hồng Phúc.	0616/15/T-N3/KND.VSP 1-PVC.IC	12/10/2015	8.776.461.000
Tổng cộng				479.583.162.236

1.2.4. Công tác nghiệm thu thanh quyết toán và thu hồi công nợ

Công tác thanh quyết toán, thu hồi các công trình xây lắp được đặt lên hàng đầu và do Giám đốc Công ty trực tiếp chỉ đạo, phần lớn các công trình đã hoàn thành bàn giao được quyết toán và hoàn thiện hồ sơ quyết toán, các công trình thi công xong đang chờ quyết toán đã được chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán đến 90% giá trị xây lắp thực hiện. Tổng thu trong năm 2015 (bao gồm tiền thu thanh toán các công trình, thu bán căn hộ Dự án Chung cư 242 Nguyễn Hữu Cánh và tạm ứng hợp đồng) là: **752,5 tỷ đồng**.

Đến ngày 31/12/2015, để đảm bảo an toàn về tài chính theo quy định hiện hành, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi số tiền là: 46,6 tỷ đồng và dự kiến trong năm 2016 sẽ hoàn nhập dự phòng được một số khoản dự phòng đã trích lập.

1.2.5. Công tác lao động, tiền lương và đào tạo

Tổng số CBCNV dự kiến đến ngày 31/12/2015 : 600 người

Trong đó:

Bộ phận gián tiếp từ HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban : 118 người

Cán bộ kỹ thuật, các đội, công nhân : 432 người

Trong năm 2015, Công ty tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý theo mô hình trực tiếp từ công ty xuống công trường nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh đồng

thời rà soát và tinh giảm nhân sự, với việc tăng cường thêm các cán bộ trực tiếp làm việc ngoài công trường và tinh giảm bộ phận gián tiếp tại các phòng ban.

Công tác trả lương cho CBCNV: Công ty thực hiện trên nguyên tắc phân phối theo lợi nhuận, năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, đồng thời khuyến khích CBCNV phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ theo công việc được giao. Thu nhập bình quân năm 2015 của lao động định biên của Công ty là **8,3.tr.đồng/người/tháng**.

Về công tác đào tạo: Trong năm qua công ty chủ yếu tổ chức các chương trình đào tạo thiết yếu phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty như: đào tạo nâng bậc, nâng cao tay nghề cho công nhân và đào tạo chuyên môn nghiệp vụ ngành xây dựng, cụ thể công ty tổ chức đào tạo là 450 người/ 170 người đạt 264% kế hoạch năm với kinh phí đào tạo 300 triệu đồng.

1.2.6. Công tác an sinh xã hội

Trong thời gian vừa qua mặc dù Công ty còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ đợt suy thoái kinh tế nhưng Công ty vẫn quan tâm đến công tác an sinh xã hội. Ngoài việc Công ty tham gia các chương trình an sinh xã hội cùng với Tập đoàn và Tổng công ty, công ty còn trực tiếp hỗ trợ xây dựng đường giao thông nông thôn huyện Sông Lô tỉnh Vĩnh Phúc, ủng hộ xây dựng nhà tình thương cho các gia đình chính sách, hộ nghèo huyện Giá Rai tỉnh Bạc Liêu, trường phổ thông trung học Đoàn Hùng tỉnh Phú Thọ và hỗ trợ kinh phí xây nhà mái ấm công đoàn cho liên đoàn lao động tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ...với tổng số tiền là **1,2 tỷ đồng**.

2. Tình hình tài chính

2.1. Cơ cấu tài sản ngắn hạn

2.1.1. Cơ cấu tài sản ngắn hạn

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/giảm
Tiền và các khoản tương đương tiền	350,237,158,131	78,916,392,024	-77.47%
Các khoản phải thu ngắn hạn	492,416,523,551	647,894,190,591	31.57%
Hàng tồn kho	330,142,837,071	199,180,650,264	-39.67%
Tài sản ngắn hạn khác	5,345,522,226	1,765,502,100	-66.97%
Cộng	1,178,142,040,979	927,756,734,979	-21.25%

2.1.2. Dự trữ tiền (Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng)

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/giảm
Tiền mặt.	1,652,354,051	263,647,498	-84.04%
Tiền gửi ngân hàng.	273,584,804,080	18,652,744,526	-93.18%
Cộng	275,237,158,131	18,916,392,024	-93.13%

2.1.3. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/giảm
Đầu tư ngắn hạn khác(tiền gửi NH có kỳ hạn)	75,000,000,000	60,000,000,000	-20.00%

2.1.4. Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/giảm
Phải thu của khách hàng	501,418,108,168	649,688,198,897	29.57%
Trả trước cho người bán	12,147,418,773	10,103,291,982	-16.83%
Các khoản phải thu khác	19,158,350,886	34,710,209,201	81.18%
Dự phòng phải thu khó đòi	-40,307,354,276	-46,607,509,489	15.63%
Cộng	492,416,523,551	647,894,190,591	31.57%

2.1.5. Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/giảm
Nguyên vật liệu tồn kho	46,312,957,740	14,465,398,853	-68.77%
Công cụ, dụng cụ	85,840,000	0	-100.00%
Chi phí xây lắp dở dang	251,925,857,513	152,897,069,593	-39.31%
Hàng hóa	31,818,181,818	31,818,181,818	0.00%
Cộng	330,142,837,071	199,180,650,264	-39.67%

2.1.6. Tài sản ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/giảm
Chi phí trả trước ngắn hạn	5,345,522,226	1,765,502,100	-66.97%
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
Cộng	5,345,522,226	1,765,502,100	-66.97%

2.1.7. Tài sản dài hạn

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/giảm
Tài sản cố định	52,974,096,754	45,765,200,780	-13.61%
Bất động sản đầu tư	0	4,675,928,338	-
Tài sản dở dang dài hạn	180,078,630,402	237,412,433,022	31.84%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	34,446,751,547	15,149,661,547	-56.02%
Tài sản dài hạn khác	45,596,323,190	12,744,606,831	-72.05%
Cộng	313,095,801,893	315,747,830,518	0.85%

2.2. Nợ phải trả**2.2.1. Nợ ngắn hạn**

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/giảm
Vay và nợ ngắn hạn.	259,519,313,991	498,102,010,728	91.93%
Phải trả người bán.	355,665,635,440	235,958,091,535	-33.66%
Người mua trả tiền trước.	249,066,850,253	51,283,350,478	-79.41%
Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước.	21,649,493,964	8,150,794,878	-62.35%
Phải trả cho người lao động.	15,019,875,323	12,961,541,063	-13.70%

Chi phí phải trả	43,236,382,167	55,336,771,894	27.99%
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	8,497,813,672	25,086,472,009	195.21%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi.	-332,243	1,552,493,843	-467376.61%
Cộng	952,655,032,567	888,431,526,428	-6.74%

2.2.2. Nợ dài hạn

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/giảm
Người mua trả tiền trước	148,781,860,539	-	
Phải trả dài hạn khác	28,829,030,641	-	
Dự phòng phải trả dài hạn	20,539,138,472	12,565,730,888	-38.82%
CỘNG	198,150,029,652	12,565,730,888	-93.66%

2.3. Nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/giảm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300,000,000,000	300,000,000,000	0.00%
Quỹ đầu tư phát triển	10,107,757,925	11,409,402,716	12.88%
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	30,325,022,728	31,097,905,465	2.55%
CỘNG	340,432,780,653	342,507,308,181	0.61%

3. Kế hoạch phát triển trong năm 2016

Trước những khó khăn của nền kinh tế Ban giám đốc đã chủ động đưa ra các biện pháp, giải pháp cụ thể để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) của công ty năm 2016, cụ thể như sau:

3.1. Về thi công xây lắp

Tập trung mọi nguồn lực về vật tư, thiết bị, con người cho việc thi công triển khai các dự án đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Hoàn thành thi công và bàn giao các công trình trọng điểm trong năm 2016:

- Hoàn thành các hạng mục chính của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2;
- Hoàn thành thi công phần giai đoạn 2 công trình Trường Đại học Dầu khí;
- Hoàn thành toàn bộ phần thô dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát;
- Hoàn thành và bàn giao, quyết toán toàn bộ các hạng mục của Gói thầu CLV6- Nhà Máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn Thanh Hóa;
- Triển khai thi công đúng tiến độ các hạng mục thuộc Dự án Nhà Máy nhiệt điện Sông Hậu;
- Quyết toán dứt điểm các công trình đã nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư như: Công trình Hồng Phúc, Khách sạn Đà Lạt, Kho Long Thành Mỹ - Q9, Kho G2 Tân Sơn Nhất, Viện Dầu khí giai đoạn 1, Ấu Tào Rạch Chanh, Gói BLD-3b Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn Thanh Hóa, gói 03 Blook nhà ở và dịch vụ - Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn Thanh Hóa, Trường Đại học Dầu khí, các hạng mục công trình HH1;
- Quyết toán vốn đầu tư dự án 242 Nguyễn Hữu Cảnh, bàn giao quản lý Tòa nhà cho Ban quản trị Tòa Nhà và làm các thủ tục về chủ quyền cho khách hàng;
- Triển khai thi công dự án 33A Đường 30/4 theo đúng tiến độ đã đề ra, triển khai công tác ký Hợp đồng với khách hàng khi đủ điều kiện đảm bảo dòng tiền cho dự án theo kế hoạch.

Quyết liệt trong công tác lập hồ sơ chất lượng, công tác nghiệm thu thanh quyết toán, rà soát, đối chiếu sử lý công nợ để thu hồi vốn phục vụ cho SXKD. Nghiêm túc thực hiện công tác phân tích, hạch toán kế toán theo các quy định của Pháp luật, đảm bảo phản ánh trung thực, khách quan và chính xác tình hình SXKD của Công ty.

3.2. Công tác tiếp thị đấu thầu

Tập trung mọi nguồn lực tốt nhất cho công tác tiếp thị đấu thầu, tính toán tối ưu hóa biện pháp tổ chức thi công, khai thác nguồn vật tư, thiết bị sẵn có, hợp lý hóa các khâu sản xuất nhằm hạ giá thành xây lắp để giảm giá tối đa (nhưng phải đảm bảo lợi nhuận tối thiểu cho doanh nghiệp) để thắng thầu các dự án trong và ngoài ngành Dầu khí;

Nâng cao năng lực chuyên môn cho chuyên viên làm công tác tiếp thị đấu thầu, thông qua các lớp đào tạo nâng cao năng lực đàm phán và ký kết hợp đồng với chủ đầu tư, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ đấu thầu qua mạng;

Tập trung phối hợp cùng với Tổng Công ty để tiếp thị, đấu thầu các dự án trong ngành:

- Dự án kho lạnh LNG – PVGas;
- Dự án hóa dầu Long Sơn;
- Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch;
- Nhà máy nhiệt điện Long Phú;
- Nhà máy điện khí Ô Môn.

3.3. Thanh quyết toán và thu hồi vốn

Tập trung thanh quyết toán dứt điểm các công trình đã hoàn thành bàn giao còn tồn đọng đến năm 2015:

- Cao ốc Văn phòng Dragon Tower;
- Trung tâm Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng (phần PS);
- Khu du lịch Hồng Phúc (VSP);
- Mở rộng Khách sạn Dầu khí tại Đà Lạt (VSP);
- Kho Long Thành Mỹ, Kho G2 Tân Sơn Nhất;
- Viện Dầu khí giai đoạn 1;
- Âu Tàu Rạch Chanh;
- Hạng mục phần thân và các khối lượng phát sinh của Dự án HH1 (VSP);
- Thu hồi công nợ khách hàng mua căn hộ dự án 242 Nguyễn Hữu Cánh.

3.4. Tài chính

Thực hiện và phát huy tối đa các giải pháp khắc phục khó khăn đề ra trong năm 2015 đã và đang phát huy tác dụng là “Thắt chặt chi tiêu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất xây lắp”. Tiếp tục tiết giảm 10%-15% chi phí quản lý doanh nghiệp.

Từng bước xây dựng giá thành kế hoạch cho từng dự án và kiểm soát chặt từng khoản chi phí theo kế hoạch của dự án.

Tập trung hơn nữa cho công tác thu hồi vốn, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thu hồi vốn trong toàn Công ty.

Chủ động tìm đối tác có tiềm lực tài chính, xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài, hiệu quả đối với các tổ chức tín dụng để thu xếp vốn cho SXKD có hiệu quả hơn nữa.

3.5. Về công tác đầu tư

Tiếp tục triển khai dự án Khu phức hợp thương mại, dịch vụ văn phòng và căn hộ tại số 33A đường 30/4 thành phố Vũng Tàu đồng thời triển khai công tác bán hàng theo các quy định của nhà nước, dự kiến đầu quý 2/2016 sẽ ký Hợp đồng bán căn hộ cho khách hàng để thu tiền theo tiến độ đảm bảo dòng tiền cho dự án.

Hoàn thiện các thủ tục đầu tư tiếp tục triển khai dự án khu du lịch Thanh Bình để sớm thu hồi vốn đầu tư. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị góp vốn của dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát, dự án Đại Hải để cùng triển khai thực hiện hiệu quả dự án, sớm thu hồi vốn đầu tư.

Về mua sắm thiết bị máy móc phục vụ thi công: Chỉ đầu tư mua sắm những thiết bị thật sự cần thiết phục vụ cho các dự án đang thi công. Đồng thời ưu tiên cải tạo nâng cấp thiết bị thi công hiện có, tận dụng tối đa các trang thiết bị còn sử dụng được.

3.6. Về tổ chức lao động, tiền lương và đào tạo

Tiếp tục rà soát nhu cầu về nhân lực từng phòng ban, đội thi công và công trường. Định biên lại toàn bộ các phòng ban và đơn vị trong Công ty, sát nhập giải thể các bộ phận không thực sự cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Xây dựng phương án về lao động tiền lương phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh trên toàn Công ty. Quản lý chặt chẽ công tác tiền lương, tiền thưởng đảm bảo sự hài hòa về chi phí sản xuất đồng thời kích thích người lao động nâng cao tinh thần trách nhiệm hoàn thành chức năng nhiệm vụ được giao góp phần tích cực vào sự phát triển của Công ty.

Phối hợp với Tổng Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân lành nghề. Tham gia các khóa học về chuyên môn nghiệp vụ do Tổng Công ty đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho từng CBCNV trong Công ty.

3.7. Tái cơ cấu doanh nghiệp

Quyết liệt thực hiện kiện toàn cơ cấu tổ chức của Công ty, rà soát sắp xếp lại bộ máy quản lý điều hành một cách hợp lý, hoàn thiện phương thức quản lý gọn nhẹ, chuyên sâu nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh theo đề án tái cấu trúc của Tổng Công ty được phê duyệt.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Công tác giám sát đầu tư

Hội đồng quản trị quản lý việc đầu tư theo thẩm quyền, chỉ đạo Giám đốc giãn tiến độ và thay đổi phương án thực hiện một số dự án như sau:

- a. **Dự án xây dựng dân dụng:** Chỉ đạo nghiên cứu điều chỉnh dự án đầu tư dự án Trung tâm thương mại – Dịch vụ văn phòng và căn hộ tại số 33A đường 30/4 thành phố Vũng Tàu, thay đổi phương án kinh doanh các dự án Chung cư ven biển Thanh Bình phường 10 thành phố Vũng Tàu và dự án Chung cư Hiệp Bình Chánh Quận Thủ Đức thành phố Hồ Chí Minh thành nhà phân lô bán nền.... với mục tiêu phù hợp với nhu cầu thị trường, có thể bán để thu hồi vốn nhanh. Tham gia dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát tại quận 7 thành phố Hồ Chí Minh với giá trị góp vốn là 12,9 tỷ đồng.
- b. **Dự án mua sắm thiết bị:** chỉ mua sắm những công cụ dụng cụ, thiết bị quản lý thật sự cần thiết phục vụ quản lý và thi công.

1.2. Giám sát công tác tài chính

Hội đồng quản trị ban hành quy chế quản lý tài chính, các định mức nội bộ, giám sát công tác chi tiêu đảm bảo tiết kiệm chi phí, chỉ đạo Giám đốc tập trung tổ chức quyết liệt công tác thu hồi vốn, đảm bảo đủ vốn cho sản xuất kinh doanh, duy trì mức độ cho phép chi phí sản phẩm dở.

1.3. Công tác an sinh xã hội

Hội đồng quản trị chỉ đạo tham gia các chương trình an sinh xã hội cùng với Tập đoàn và Tổng công ty, ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam dioxin tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hỗ trợ kinh phí xây dựng mái ấm công đoàn, ủng hộ tiểu ban công nghệ Dầu khí, xây nhà tình thương cho các gia đình chính sách và hộ nghèo tại huyện Giá Rai tỉnh Bạc Liêu, thực hiện công tác an sinh xã hội tại tỉnh Phú Thọ, Nam Định.

1.4. Công tác đoàn thể

Hội đồng quản trị tạo điều kiện để các hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên, nữ công và Chi hội cựu chiến binh đóng góp tích cực trong việc động viên cán bộ công nhân viên tích cực thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực, xây dựng nếp sống văn hoá doanh nghiệp Dầu khí.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Trong năm 2015 Ban giám đốc đã triển khai kịp thời các chỉ thị, nghị quyết của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam, nghị quyết của Hội đồng quản trị PVC-IC; đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế phù hợp với luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty;

Ban giám đốc đã ban hành, sửa đổi kịp thời các quy trình, quy chế để áp dụng vào thực tiễn một cách khoa học và có hiệu quả nhất trong công tác quản trị, quản lý chi phí, biện pháp thi công nhằm phù hợp với tình hình thực tế, theo xu hướng phát triển bền vững, lâu dài của Công ty và nhất là đối với các Công ty đại chúng đã niêm yết trên thị trường chứng khoán;

Ban Giám đốc đã duy trì thường xuyên lịch họp giao ban, thành phần tham dự đầy đủ, nội dung cuộc họp tập trung giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh, đưa ra các biện pháp giải quyết ngay trong cuộc họp. Trong các cuộc họp, Giám đốc cũng đã triển khai các công việc, đề ra các giải pháp để thực hiện Kế hoạch, Chỉ thị, Nghị quyết đã được Hội đồng quản trị ban hành. Mỗi cuộc họp đều được thư ký tổng hợp đầy đủ các ý kiến thành biên bản lưu trữ tại văn thư.

3. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	GIÁ TRỊ	GHI CHÚ
I	Chỉ tiêu kinh tế tài chính			
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	300,00	PVC- 51%
2	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	914,00	
3	Doanh thu	Tỷ đồng	830,00	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	29,00	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	23,00	
6	Tỷ suất LNTT/ Doanh thu	%	3,49	
7	Tỷ suất LNST/ Vốn điều lệ	%	7,66	
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6,50	
9	Thuế và nộp ngân sách NN	Tỷ đồng	38,00	
II	Đầu tư	Tỷ đồng	180,31	
1	Đầu tư SXCN	Tỷ đồng	0	
2	Đầu tư XDDD và BĐS	Tỷ đồng	160,95	DA 33A
3	Mua sắm MMTB	Tỷ đồng	19,36	
III	Các chỉ tiêu lao động và thu nhập			
1	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/th	8,30	

2	Năng suất lao động bình quân	Người	13,30	
IV	Kinh phí đào tạo	Tỷ đồng	0,30	

Tập trung chỉ đạo giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016, phối hợp cùng Giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất. Đặc biệt quan tâm đến các dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái bình 2, các gói thầu Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ văn phòng và căn hộ tại Số 33A, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ...

Chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu tổ chức Công ty phù hợp với chỉ đạo của PVC và PVN với mục tiêu trở thành đơn vị xây lắp chủ lực các dự án trên bờ của PVN. Cùng Ban Giám đốc Công ty nghiên cứu bổ sung để ngày càng hoàn thiện chiến lược phát triển lâu dài của Công ty phù hợp với mục tiêu thực hiện tái cơ cấu của PVC, phù hợp với sự thay đổi của thị trường.

Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của Hội đồng quản trị theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban Giám đốc Công ty phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần (PXi) nắm giữ	Tỷ lệ (%) so với tổng số cổ phần
1	Lê Minh Hải (Thành viên độc lập)	Chủ tịch HĐQT	17.000	0.06%
2	Hồ Sỹ Hoàng	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	54.700	0.18%
3	Nguyễn Đức Đông (Thành viên độc lập)	Ủy viên HĐQT	5.600	0.02%
4	Nguyễn Duy Hưng (Thành viên độc lập)	Ủy viên HĐQT	10.000	0.03%

5	Mai Xuân Bình	Ủy viên HĐQT	10.000	0.03%
---	---------------	--------------	--------	-------

Người đại diện của Công ty tại các doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn: Hội đồng quản trị cử ông Nguyễn Duy Hưng làm người quản lý vốn tại Công ty Nhơn trạch Shipyard và Công ty PV PIPE.

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

1.2.1. Việc ban hành và thực hiện các quy chế và quy định của đơn vị

Hội đồng quản trị đã sửa đổi, ban hành **24** quy chế, **32** quy trình và **330** các Nghị quyết, Quyết định giám sát, chỉ đạo Giám đốc và bộ máy điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị PVC-IC triển khai giám sát thực hiện tốt các Chỉ thị, Quy chế và Quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty. Chỉ đạo khắc phục kịp thời các thiếu sót theo yêu cầu của Tập Đoàn, Tổng công ty, Kiểm toán Nhà nước và Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.2.2. Môi quan hệ với cổ đông

Hội đồng quản trị thực hiện tốt việc công bố thông tin định kỳ, thường niên cũng như các thông tin bất thường cho các cổ đông trên sàn giao dịch chứng khoán.

1.2.3. Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp

Ban Kiểm soát gồm các thành viên:

- | | |
|-----------------------|------------|
| – Ông Nguyễn Thị Hoan | Trưởng ban |
| – Ông Hoàng Xuân Nam | Thành viên |
| – Bà Ngô Thị Thu Hoài | Thành viên |

Ban Giám đốc gồm các thành viên:

- | | |
|-------------------------|--------------|
| – Ông Hồ Sỹ Hoàng | Giám đốc |
| – Ông Hà Quốc Hải | Phó Giám đốc |
| – Ông Nguyễn Văn Hải | Phó Giám đốc |
| – Ông Nghiêm Trung Minh | Phó Giám đốc |
| – Ông Phạm Mạnh Cường | Phó Giám đốc |
| – Ông Ngô Văn Tuy | Phó Giám đốc |
| – Ông Phùng Văn Công | Phó Giám đốc |
| – Ông Nguyễn Hữu Đức | Phó Giám đốc |

Tích cực thực hiện tái cơ cấu theo hướng tập chung xây dựng Công ty là đơn vị xây dựng công nghiệp và dân dụng chủ lực của Tập Đoàn PVN và Tổng công ty PVC.

2. Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỉ lệ (%) so với tổng số cổ phần
1	Nguyễn Thị Hoan (Thành viên độc lập)	Trưởng ban Kiểm soát	9.750	0.03%
2	Hoàng Xuân Nam	Thành viên	0	0%
3	Ngô Thị Thu Hoài	Thành viên	21.000	0.05%

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của PVC-IC và qui chế hoạt động của Ban Kiểm soát, trong năm 2015 Ban Kiểm soát Công ty đã tiến hành thực hiện giám sát các hoạt động của PVC-IC như sau:

- Tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban, điều hành sản xuất của Công ty;
- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát theo qui định. Xây dựng các quy chế của Công ty để làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Phối hợp với các Phòng/Ban Công ty tiếp các đoàn kiểm tra của Tập đoàn, của Tổng Công ty, kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị;
- Thực hiện công tác kiểm tra chứng từ, tiền mặt tại Phòng Tài chính Kế toán năm 2015. Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành. Tổ chức quản lý, lưu giữ chứng từ sổ sách, công tác lập và nộp báo cáo tài chính theo đúng qui định;
- Thẩm định các Báo cáo tài chính quý, năm. Báo cáo tài chính năm 2015 đã phân tích đầy đủ hình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của PVC-IC và được trình bày theo quy định của Bộ tài chính. Báo cáo tài chính của PVC-IC đã được kiểm toán theo qui định tại Điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị đã được lựa chọn để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015;
- Giám sát việc thực hiện pháp luật Nhà nước, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các chỉ thị Nghị quyết của cấp trên;
- Giữ mối liên lạc thường xuyên trong Ban Kiểm soát, giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc;

- Hàng tháng, hàng quý lập các báo cáo giám sát gửi Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí theo đúng quy định;
- Trong năm 2015, Ban Kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ 5% cổ phần trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, về việc điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ngoài ra, Ban Kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ theo quý, vào cuối quý. Do Ban Kiểm soát có thành viên Nguyễn Thị Thu Hoài ở ngoài Hà Nội, kinh phí đi lại tốn kém nên cũng có lúc không có mặt mà Ban Kiểm soát họp thông qua điện thoại và mail. Trong các cuộc họp Ban Kiểm soát đã đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát, đóng góp ý kiến rút kinh nghiệm và đưa ra phương hướng hoạt động cho quý tới.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2015

- Thù lao của Hội đồng quản trị: 946.972.886 đồng;
- Thù lao của Ban Kiểm soát: 259.166.761 đồng.

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2015

Stt	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ngô Thị Thu Hoài	Thành viên Ban Kiểm soát	15,000	0.05%	21,000	0.07%	Mua cổ phiếu

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.

Chhl NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY



Hoàng
GIÁM ĐỐC
HỒ SỸ HOÀNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 32

12500
VG T
HỆM HỮ
OITT
T NAI
TP.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Đông	Ủy viên
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Ủy viên
Ông Mai Xuân Bình	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Hưng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc
Ông Hà Quốc Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc
Ông Nghiêm Trung Minh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Văn Tuy	Phó Giám đốc
Ông Phùng Văn Công	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Đức	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Phùng Văn Công
Phó Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Số. 469 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang thi công và đầu tư một số dự án. Do khó khăn trong tình hình thị trường hiện tại, Công ty chưa đánh giá được giá trị có thể thu hồi của các dự án này cũng như tính khả thi nếu tiếp tục thực hiện. Chúng tôi cũng không thể thu thập được các bằng chứng hoặc thực hiện các thủ tục thay thế, do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đối với báo cáo tài chính kèm theo.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng có thể có của vấn đề được nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Biên bản kiểm toán ký ngày 18 tháng 9 năm 2015, Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã ký ngày 11 tháng 3 năm 2015.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn là 645.119.465 VND và khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng là 45.000.000.000 VND tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu đang tạm dừng thực hiện chi trả tiền gửi cho đến khi nhận được chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước. Công ty đánh giá rằng các khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1924-2013-001-1



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		927.756.734.979	1.178.142.040.979
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	78.916.392.024	350.237.158.131
1. Tiền	111		18.916.392.024	275.237.158.131
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	75.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		647.894.190.591	492.416.523.551
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	649.688.198.897	501.418.108.168
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.103.291.982	12.147.418.773
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	34.710.209.201	19.158.350.886
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(46.607.509.489)	(40.307.354.276)
III. Hàng tồn kho	140	10	199.180.650.264	330.142.837.071
1. Hàng tồn kho	141		199.180.650.264	330.142.837.071
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.765.502.100	5.345.522.226
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.765.502.100	5.345.522.226
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		315.747.830.518	313.095.801.893
I. Tài sản cố định	220		45.765.200.780	52.974.096.754
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	45.765.200.780	52.974.096.754
- Nguyên giá	222		123.256.140.123	122.393.825.823
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.490.939.343)	(69.419.729.069)
II. Bất động sản đầu tư	230	13	4.675.928.338	-
- Nguyên giá	231		4.837.167.246	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(161.238.908)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	237.412.433.022	180.078.630.402
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		2.528.971.570	2.528.971.570
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		234.883.461.452	177.549.658.832
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	15.149.661.547	34.446.751.547
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.837.200.000	35.134.290.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(687.538.453)	(687.538.453)
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.744.606.831	45.596.323.190
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	12.744.606.831	45.596.323.190
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.243.504.565.497	1.491.237.842.872

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		900.997.257.316	1.150.805.062.219
I. Nợ ngắn hạn	310		888.431.526.428	952.655.032.567
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	235.958.091.535	355.665.635.440
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	51.007.811.824	248.791.311.599
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	8.150.794.878	21.649.493.964
4. Phải trả người lao động	314		12.961.541.063	15.019.875.323
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	55.336.771.894	43.236.382.167
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		275.538.654	275.538.654
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	25.086.472.009	8.497.813.672
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	498.102.010.728	259.519.313.991
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.552.493.843	(332.243)
II. Nợ dài hạn	330		12.565.730.888	198.150.029.652
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	17	-	148.781.860.539
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	28.829.030.641
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	12.565.730.888	20.539.138.472
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		342.507.308.181	340.432.780.653
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	342.507.308.181	340.432.780.653
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.409.402.716	10.107.757.925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.097.905.465	30.325.022.728
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(4.474.270.855)	5.648.650.638
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		35.572.176.320	24.676.372.090
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.243.504.565.497	1.491.237.842.872

Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểuLê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởngPhùng Văn Công
Phó Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.139.516.313.795	903.928.674.969
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		1.139.516.313.795	903.928.674.969
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	1.029.502.802.777	822.491.613.329
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		110.013.511.018	81.437.061.640
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	3.918.720.482	1.752.371.151
6. Chi phí tài chính	22	29	25.733.536.908	24.029.333.711
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.733.536.908	23.739.930.532
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	45.023.961.197	17.042.357.644
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		43.174.733.395	42.117.741.436
9. Thu nhập khác	31		11.897.371.632	6.257.146.390
10. Chi phí khác	32		6.348.222.626	15.542.473.899
11. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		5.549.149.006	(9.285.327.509)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		48.723.882.401	32.832.413.927
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	13.151.706.081	8.156.041.837
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		35.572.176.320	24.676.372.090
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.186	730

Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểuLê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởngPhùng Văn Công
Phó Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
		(Trình bày lại)	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	48.723.882.401	32.832.413.927
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.931.506.227	9.266.496.461
Các khoản dự phòng	03	(1.673.252.371)	(16.534.975.802)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(4.246.682.737)	(1.752.371.151)
Chi phí lãi vay	06	25.733.536.908	23.739.930.532
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	77.468.990.428	47.551.493.967
(Tăng) các khoản phải thu	09	(161.716.419.475)	(216.176.144.487)
Giảm hàng tồn kho	10	126.125.019.561	18.651.025.579
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(477.287.822.471)	353.741.343.689
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(3.162.585.634)	1.130.115.284
Tiền lãi vay đã trả	14	(25.222.903.674)	(23.916.251.798)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.759.142.298)	(4.903.871.519)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	17.700.000	600.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.524.202.818)	(920.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(479.061.366.381)	175.157.710.715
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(24.351.049.622)	(679.877.182)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	354.545.455	-
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	19.297.090.000	112.727.682
4. Thu lãi tiền gửi	27	3.857.317.704	1.752.371.151
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(842.096.463)	1.185.221.651
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	891.441.235.290	562.963.272.472
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(652.858.538.553)	(540.564.853.310)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(30.000.000.000)	(15.888.890.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	208.582.696.737	6.509.529.162
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(271.320.766.107)	182.852.461.528
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	350.237.158.131	167.384.696.603
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	78.916.392.024	350.237.158.131

Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểuLê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng

 Công ty Cổ phần
Xây dựng Công nghiệp
và Dân dụng Dầu khí
TP. Vũng Tàu
Phạm Văn Công
Chủ Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500832971 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND, được chia thành 30.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 580 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 507).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công nghiệp dân dụng;
- Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ;
- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; và
- Đầu tư xây dựng kinh doanh khu đô thị.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Do đặc điểm hoạt động của Công ty chủ yếu làm trong lĩnh vực xây lắp, Công ty không có chu kỳ sản xuất kinh doanh cố định mà phụ thuộc vào từng hợp đồng, dự án mà Công ty thực hiện.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 12
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển sang công ty cổ phần và các chi phí trả trước khác.

Lợi thế kinh doanh được Công ty phân bổ trên cơ sở mục đích sử dụng của các thửa đất. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, việc phân bổ lợi thế kinh doanh theo mục đích sử dụng của các thửa đất là phù hợp thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả phát sinh từ các ước tính kế toán do chi phí tập hợp chưa đầy đủ tại ngày nghiệm thu khối lượng hoàn thành. Các khoản chi phí trích trước này sẽ đảm bảo rằng công trình được tập hợp đầy đủ chi phí trong trường hợp các phần công việc của công trình đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán với nhà thầu phụ, nhà cung cấp hoặc các tổ đội thi công. Việc trích trước chi phí công trình tuân theo các quy định hiện hành về kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014 ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH**

Sau khi phát hành báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty ký ngày 11 tháng 3 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã nhận được Biên bản kiểm toán ký ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Công ty phải điều chỉnh sổ kế toán và báo cáo tài chính năm 2014 theo kết quả kiểm toán. Do đó, Ban Giám đốc Công ty xác định báo cáo tài chính năm 2014 đã phát hành trước đây cần được điều chỉnh cho phù hợp với kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

Tổng ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2014 giảm 5.490.460.375 VND và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2014 giảm 1.016.189.520 VND.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh này như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục	31/12/2014	Điều chỉnh hồi tố	31/12/2014
	(Trước điều chỉnh)		(Sau điều chỉnh)
	VND	VND	VND
TÀI SẢN			
Phải thu khách hàng	503.189.547.491	(1.771.439.323)	501.418.108.168
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(47.573.245.925)	7.265.891.649	(40.307.354.276)
Hàng tồn kho	323.213.395.202	9.458.413.439	332.671.808.641
NGUỒN VỐN			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22.826.723.422	(1.177.229.458)	21.649.493.964
Chi phí phải trả	32.830.835.908	10.405.546.259	43.236.382.167
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(59.901.352)	59.569.109	(332.243)
Dự phòng phải trả dài hạn	10.139.887.762	10.399.250.710	20.539.138.472
Quỹ dự phòng tài chính	698.319.888	(260.000.000)	438.319.888
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	29.150.642.945	(4.474.270.855)	24.676.372.090

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Khoản mục	2014	Điều chỉnh hồi tố	2014
	(Trước điều chỉnh)		(Sau điều chỉnh)
	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	905.539.074.354	(1.610.399.385)	903.928.674.969
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	811.145.229.799	11.346.383.530	822.491.613.329
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.248.680.184	(7.206.322.540)	17.042.357.644
Chi phí khác	15.802.473.899	(260.000.000)	15.542.473.899
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.172.231.357	(1.016.189.520)	8.156.041.837
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.150.642.945	(4.474.270.855)	24.676.372.090

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014 ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH (Tiếp theo)****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Khoản mục	2014		2014
	(Trước điều chỉnh)	Điều chỉnh hồi tố	(Sau điều chỉnh)
	VND	VND	VND
Các khoản dự phòng	(9.269.084.153)	(7.265.891.649)	(16.534.975.802)
Thay đổi các khoản phải thu	(217.687.583.810)	1.511.439.323	(216.176.144.487)
Thay đổi hàng tồn kho	28.109.439.018	(9.458.413.439)	18.651.025.579
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	333.038.017.549	20.703.326.140	353.741.343.689

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	263.647.498	1.652.354.051
Tiền gửi ngân hàng	18.652.744.526	273.584.804.080
Các khoản tương đương tiền (*)	60.000.000.000	75.000.000.000
	78.916.392.024	350.237.158.131

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Vũng Tàu.

Theo Công văn số 62/2015/CV-OCEANBANK ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) phúc đáp Công văn số 554/CNDD-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Công ty, Oceanbank tạm dừng việc chi trả cho khách hàng là tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có tiền gửi ngân hàng bao gồm số tiền 645.119.465 VND và khoản tương đương tiền bao gồm số tiền 45.000.000.000 VND là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu đang tạm dừng thực hiện chi trả tiền gửi cho đến khi nhận được chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai, không có rủi ro tổn thất và theo đó không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	64.011.954.843	48.788.521.139
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn	32.374.999.999	50.374.999.999
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.580.160.925	7.097.380.925
Các đối tượng khác	78.080.552.962	52.401.226.725
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	306.744.434.907	250.946.552.970
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	81.269.955.899	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.300.469.925	27.300.469.925
Ban quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	22.772.557.157	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	9.387.628.964	9.387.628.964
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	8.917.182.475	8.917.182.475
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	7.541.190.210	7.541.190.210
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	5.638.766.005	30.197.809.127
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.068.344.626	2.068.344.626
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	6.396.801.083
	649.688.198.897	501.418.108.168

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	21.447.520.000	-
Tạm ứng	6.890.299.912	10.885.330.085
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.268.873.511	3.268.873.511
Phải thu khác	3.103.515.778	5.004.147.290
	34.710.209.201	19.158.350.886

9. NỢ XẤU

Đối tượng	31/12/2015		31/12/2014 (Trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi (*) VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.300.469.925	924.249.329	27.300.469.925	8.190.140.978
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	8.917.182.475	4.127.188.003	8.917.182.475	6.522.185.239
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.580.160.925	-	7.097.380.925	-
Bệnh viện Việt Nam Cu Ba	3.819.490.482	-	3.819.490.482	347.226.407
Các khách hàng khác	4.036.853.505	-	4.227.593.584	-
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.268.873.511	-	3.268.873.511	-
Các đối tượng khác	735.915.998	-	735.915.998	-
	51.658.946.821	5.051.437.332	55.366.906.900	15.059.552.624

(*) Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015	31/12/2014
	(Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.465.398.853	46.312.957.740
Công cụ, dụng cụ	-	85.840.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	152.897.069.593	251.925.857.513
Hàng hóa bất động sản	31.818.181.818	31.818.181.818
	199.180.650.264	330.142.837.071

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	(Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Công trình thi công một số hạng mục tại Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Thanh Hóa	39.931.381.000	50.090.144.258
Công trình Văn phòng, phòng học, nhà công vụ, ký túc xá sinh viên trường Đại học Dầu khí	19.988.446.271	762.783.911
Công trình Âu tàu và Trung tâm điều khiển âu tàu Rạch Chanh	14.515.431.455	5.453.291.774
Công trình Trung tâm Phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	13.315.969.546	31.481.583.764
Công trình Kho hàng Phước Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TP HCM	12.952.454.276	974.926.932
Công trình Chung cư Long Sơn Riverside	11.776.304.657	114.195.555
Công trình Cao ốc hỗn hợp HH1 VietsovPetro	10.001.586.434	2.326.590.720
Công trình thi công một số hạng mục Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Thái Bình	8.313.941.678	13.117.351.849
Công trình Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	4.465.147.530	-
Công trình Kho chứa hàng sân bay Tân Sơn Nhất	2.953.866.257	2.864.101.819
Công trình Chung cư số 242 Nguyễn Hữu Cánh, Vũng Tàu	-	121.250.045.227
Các công trình khác	14.682.540.489	23.490.841.704
	152.897.069.593	251.925.857.513

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.185.097.599	4.406.171.767
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	580.404.501	939.350.459
	1.765.502.100	5.345.522.226
b. Dài hạn		
Lợi thế kinh doanh (i)	-	38.998.460.856
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.311.784.827	5.732.218.330
Chi phí đền bù khu đất số 35D đường 30/4	432.822.004	865.644.004
	12.744.606.831	45.596.323.190

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (Tiếp theo)**

- (i) Lợi thế kinh doanh thể hiện giá trị chênh lệch sau khi đánh giá lại tài sản nhận vốn góp từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) đã được Hội đồng Quản trị PVC phê duyệt tại Nghị quyết số 1138/NQXLDK ngày 30 tháng 12 năm 2009. Tài sản nhận góp vốn bao gồm quyền sử dụng đất tại 03 thửa đất: (1) thửa đất số 108 tại số 242 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 4.011,7 m² có lợi thế kinh doanh là 4.011.700.000 VND; (2) thửa đất số 10 và 215 tại số 35D, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 8.070,6 m² có lợi thế kinh doanh là 24.211.800.000 VND và (3) Thửa đất số 11 tại số 33A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 5.104,4 m² có lợi thế kinh doanh là 15.313.200.000 VND.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, lợi thế kinh doanh được Công ty phân bổ trên cơ sở mục đích sử dụng của các thửa đất. Do đó, lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thực hiện:

- (1) phân bổ toàn bộ lợi thế kinh doanh của thửa đất số 108 tại số 242 Nguyễn Hữu Cánh với số tiền 4.011.700.000 VND vào giá trị công trình dự án chung cư 242 Nguyễn Hữu Cánh xây dựng trên thửa đất này đã hoàn thành.

- (2) phân bổ vào chi phí quản lý lợi thế kinh doanh của 1.755 m² thửa đất số 10 và 215 tại số 35D, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu tương ứng với diện tích sử dụng làm Văn phòng Công ty với số tiền lũy kế là 1.316.347.862 VND (trong đó, lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí quản lý trong năm 2015 là 789.808.718 VND).

- (3) phân bổ toàn bộ lợi thế kinh doanh của 6.315,6 m² thửa đất số 10 và 215 tại số 35D, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu và lợi thế kinh doanh của thửa đất số 11 tại số 33A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu với tổng số tiền 38.208.652.138 VND vào các dự án nằm trên các thửa đất này.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	18.094.843.621	83.889.315.356	12.350.542.415	8.059.124.431	122.393.825.823
Mua sắm mới	-	358.090.909	-	1.229.863.636	1.587.954.545
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(523.640.245)	(202.000.000)	(725.640.245)
Phân loại lại	-	(6.245.428.000)	10.320.432.987	(4.075.004.987)	-
Tại ngày 31/12/2015	18.094.843.621	78.001.978.265	22.147.335.157	5.011.983.080	123.256.140.123

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015	7.378.485.606	45.309.044.641	10.761.983.049	5.970.215.773	69.419.729.069
Trích khấu hao trong năm	1.257.076.488	6.322.443.999	683.605.356	507.141.476	8.770.267.319
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(523.640.245)	(175.416.800)	(699.057.045)
Phân loại lại	-	(2.677.102.650)	4.477.656.803	(1.800.554.153)	-
Tại ngày 31/12/2015	8.635.562.094	48.954.385.990	15.399.604.963	4.501.386.296	77.490.939.343

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2015	9.459.281.527	29.047.592.275	6.747.730.194	510.596.784	45.765.200.780
Tại ngày 31/12/2014	10.716.358.015	38.580.270.715	1.588.559.366	2.088.908.658	52.974.096.754

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 27.102.510.092 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 17.473.979.428 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư bất động sản đầu tư thể hiện giá trị còn lại phần diện tích sàn của công trình Chung cư tại số 242, Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	2.528.971.570	2.528.971.570
Công trình khu phức hợp PTSC Tower 25 tầng, số 266, Lê Lợi, thành phố Vũng Tàu (i)	2.528.971.570	2.528.971.570
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	234.883.461.452	177.549.658.832
Tòa nhà số 33A đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (ii)	115.164.700.040	75.702.734.982
Khu du lịch Thanh Bình, phường 10, thành phố Vũng Tàu (i)	96.823.309.274	101.846.923.850
Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (ii)	16.172.452.138	-
Cao ốc văn phòng 35K đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (ii)	6.723.000.000	-
	237.412.433.022	180.078.630.402

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các dự án (1) Công trình khu phức hợp PTSC Tower 25 tầng, số 266 Lê Lợi, thành phố Vũng Tàu (do Công ty thi công) và (2) Khu du lịch Thanh Bình, phường 10, thành phố Vũng Tàu (do Công ty đầu tư) đang tạm dừng hoặc chờ tiếp tục đầu tư. Do khó khăn trong tình hình thị trường hiện tại, Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các dự án này nên chưa trích lập dự phòng tổn thất tài sản cho các dự án này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, giá trị quyền sử dụng đất Khu du lịch Thanh Bình được Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

(ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Công ty đã phân bổ toàn bộ lợi thế kinh doanh của thửa đất số 11 tại số 33A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu vào dự án tòa nhà số 33A đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (dự án đang triển khai thi công) và lợi thế kinh doanh của 6.315,6 m² thửa đất số 10 và 215 tại số 35D, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu vào 02 dự án cao ốc văn phòng tại số 35D và tại số 35K đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (dự án đang trong quá trình chuẩn bị thủ tục đầu tư). Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc phân bổ lợi thế kinh doanh vào các dự án nêu trên sẽ được quyết toán vào giá trị công trình trong tương lai. Tuy nhiên, do khó khăn trong tình hình thị trường hiện tại, Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các dự án đang trong quá trình chuẩn bị thủ tục đầu tư nên chưa trích lập dự phòng tổn thất tài sản cho các dự án này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	50.000.000	-	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	2.890.000.000	(687.538.453)	2.890.000.000	(687.538.453)
Dự án chung cư Long Sơn Riverside (i)	12.897.200.000	-	32.194.290.000	-
	15.837.200.000	(687.538.453)	35.134.290.000	(687.538.453)

- (i) Công ty nhận chuyển nhượng khoản vốn góp trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” tại số 1351, đường Huỳnh Tấn Phát, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland) để đối trừ công nợ phải thu từ Petroland. Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2010/BCC/KT-PIVLS-PETROLAND-PVFC Land ngày 8 tháng 6 năm 2010 (“Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20”), các bên thống nhất hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” trên khu đất có diện tích 4.863 m² tại số 1351, đường Huỳnh Tấn Phát, thành phố Hồ Chí Minh. Khi dự án hoàn thành, các bên được phân chia sản phẩm và lợi nhuận tương ứng với giá trị vốn góp.

Trong năm 2015, theo Hợp đồng số 77/2015/HĐCN-PVCIC/PVCIDICO ngày 28 tháng 8 năm 2015 về việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20, Công ty đã chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO một phần vốn đã góp của Công ty trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20 với số tiền là 19.297.090.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” đang được Công ty thi công. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng dự án “Chung cư Long Sơn Riverside” có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản đối với khoản góp vốn vào Hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thép Đất Việt	13.566.874.565	13.566.874.565	41.953.896.886	41.953.896.886
Các đối tượng khác	210.770.600.181	210.770.600.181	311.069.921.810	311.069.921.810
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.219.548.661	5.219.548.661	290.654.056	290.654.056
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	2.401.054.236	2.401.054.236	-	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	1.843.599.194	1.843.599.194	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí	1.553.441.480	1.553.441.480	1.613.441.480	1.613.441.480
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	259.778.108	259.778.108	259.778.108	259.778.108
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	225.000.000	225.000.000	225.000.000	225.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	118.195.110	118.195.110	252.943.100	252.943.100
	235.958.091.535	235.958.091.535	355.665.635.440	355.665.635.440

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	(Trình bày lại)	
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Ban Quản lý dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	41.991.047.457	60.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.373.377.519	114.483.827.972
Các đối tượng khác	4.643.386.848	74.307.483.627
	51.007.811.824	248.791.311.599
b. Dài hạn		
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	-	148.781.860.539
	-	148.781.860.539

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2015
	(Trình bày lại)	Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	16.160.556.796	18.479.194.104	31.336.858.290	3.302.892.610
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.028.051.382	13.151.706.081	13.759.142.298	4.420.615.165
Các loại thuế khác	460.885.786	32.983.406.131	33.017.004.814	427.287.103
Thuế thu nhập cá nhân	460.885.786	1.409.651.656	1.443.250.339	427.287.103
Thuế khác	-	31.573.754.475	31.573.754.475	-
	21.649.493.964	64.614.306.316	78.113.005.402	8.150.794.878

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	(Trình bày lại)	
	VND	VND
Chi phí phải trả của các công trình xây lắp do Công ty thực hiện	55.336.771.894	43.236.382.167
	55.336.771.894	43.236.382.167

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	(Trình bày lại)	
	VND	VND
Phải trả phí bảo trì Chung cư 242 Nguyễn Hữu Cánh	5.822.526.980	2.804.722.846
Lãi vay dự trả	1.085.911.464	575.278.230
Kinh phí công đoàn	454.964.669	474.112.339
Nhận đặt cọc giữ chỗ mua căn hộ	7.410.000.000	-
Các khoản khác	10.313.068.896	4.643.700.257
	25.086.472.009	8.497.813.672

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chỉ tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	81.258.835.379	81.258.835.379	151.250.684.240	157.706.289.428	74.803.230.191	74.803.230.191
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	84.807.502.614	84.807.502.614	479.036.364.735	360.744.395.845	203.099.471.504	203.099.471.504
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (iii)	53.160.092.770	53.160.092.770	146.475.522.975	73.540.555.960	126.095.059.785	126.095.059.785
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Vũng Tàu (iv)	40.292.883.228	40.292.883.228	82.044.215.059	60.867.297.320	61.469.800.967	61.469.800.967
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (v)	-	-	32.634.448.281	-	32.634.448.281	32.634.448.281
	259.519.313.991	259.519.313.991	891.441.235.290	652.858.538.553	498.102.010.728	498.102.010.728

- (i) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1167.14.551.687848.TD.DN ngày 30 tháng 12 năm 2014 và phụ lục hợp đồng tín dụng ký vào tháng 01 năm 2016. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 100.000.000.000 VND. Khoản vay này có tài sản đảm bảo bằng các khoản phải thu theo Hợp đồng Bảo đảm số 670.14.551.687848.TC.DN ngày 12 tháng 11 năm 2014 và 013.14.551.687848, đồng thời, Công ty cũng dùng mọi nguồn thu phát sinh từ Dự án, phương án sử dụng vốn vay, các nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và toàn bộ số tiền có trên tài khoản của Công ty tại Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty trong toàn bộ thời gian hiệu lực của hợp đồng này. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Thời hạn duy trì hạn mức là đến ngày 29 tháng 02 năm 2016.
- (ii) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 30158/HDHM/DN ngày 14 tháng 10 năm 2014. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 280.000.000.000 VND. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động về việc thi công công trình và phát hành thư bảo lãnh trong nước. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Lãi suất thả nổi, được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu từng thời kỳ và được quy định cụ thể trong từng khế ước. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức tín dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- (iii) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2014/PVC-VCB/HM ngày 15 tháng 5 năm 2014. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 60.000.000.000 VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất Khu du lịch Thanh Bình, thành phố Vũng Tàu. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời hạn vay vốn. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng.
- (iv) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 111-14/HĐHMTD-LPBVT ngày 18 tháng 6 năm 2014 và phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng tháng 12 năm 2014. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương với số tiền tối đa là 100.000.000.000 VND. Mục đích của khoản bảo lãnh là bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không bổ sung vốn lưu động để thực hiện các dự án bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư. Đây là khoản cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời hạn vay vốn. Thời hạn cấp tín dụng cụ thể tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- (v) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 9653/2015-HĐTD/NHCT880-PVCIC ngày 25 tháng 6 năm 2015. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 50.000.000.000 VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp Quyền đòi nợ và các quyền khác phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị dự án Nhà hỗn hợp HH1 được ký kết giữa Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro và Công ty. Mục đích sử dụng của khoản vay để thanh toán các chi phí thi công hạng mục phần thân thuộc công trình nêu trên. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ và điều chỉnh mỗi tháng một lần, lãi suất cho vay áp dụng trong năm 2015 là từ 5,5%/năm đến 6%/năm. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2016.

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	(Trình bày lại)	
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	12.565.730.888	20.539.138.472
	12.565.730.888	20.539.138.472

Các khoản dự phòng bảo hành công trình phản ánh ước tính chính xác nhất của Ban Giám đốc về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành từ 12 tháng đến 24 tháng mà Công ty áp dụng đối với các công trình đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, dựa trên cơ sở về xác suất các công trình gặp phải sự cố và chi phí mà Công ty phải bỏ ra sau thời điểm bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	300.000.000.000	-	9.281.198.825	8.131.849.514	317.413.048.339
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.676.372.090	24.676.372.090
Trích lập các quỹ	-	698.319.888	388.239.212	(2.483.198.876)	(1.396.639.776)
Sử dụng quỹ dự phòng tài chính	-	(260.000.000)	-	-	(260.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	300.000.000.000	438.319.888	9.669.438.037	30.325.022.728	340.432.780.653
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	(438.319.888)	438.319.888	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	300.000.000.000	-	10.107.757.925	30.325.022.728	340.432.780.653
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	35.572.176.320	35.572.176.320
Trích lập các quỹ (i)	-	-	1.739.964.679	(4.799.293.583)	(3.059.328.904)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Sử dụng quỹ (ii)	-	-	(438.319.888)	-	(438.319.888)
Số dư tại ngày 31/12/2015	300.000.000.000	-	11.409.402.716	31.097.905.465	342.507.308.181

(i) Theo Nghị quyết số 179/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 và lợi nhuận năm 2013 chưa phân phối như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển:	1.739.964.679 VND;
- Trích quỹ khen thưởng:	1.739.964.679 VND;
- Trích quỹ phúc lợi:	1.043.978.807 VND;
- Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty:	275.385.417 VND;
- Chia cổ tức:	30.000.000.000 VND.

(ii) Công ty đã phân loại số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp (Thông tư 200).

Theo Quyết định số 227/QĐ-CNDD ngày 30 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt giảm số dư Quỹ dự phòng tài chính năm 2014 của Công ty để bù đắp khoản tiền phạt theo Quyết định số 3180/QĐ-CT ngày 20 tháng 5 năm 2014 của Cục Thuế Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền 689.319.888 VND và do Công ty đã phân loại số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo hướng dẫn của Thông tư 200, Công ty ghi giảm quỹ đầu tư phát triển của Công ty với số tiền là 438.319.888 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 300.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	Vốn đã góp
	VND	%	31/12/2015	31/12/2014
			VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	153.000.000.000	51	153.000.000.000	153.000.000.000
Các cổ đông khác	147.000.000.000	49	147.000.000.000	147.000.000.000
	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	300.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 25 và Thuyết minh số 26. Các công trình của Công ty chỉ được thi công tại Việt Nam.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Doanh thu của hợp đồng xây dựng	1.125.846.035.551	896.225.784.005
Doanh thu hoạt động khác	13.670.278.244	7.702.890.964
	1.139.516.313.795	903.928.674.969

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.025.428.851.098	819.976.027.276
Giá vốn hoạt động khác	4.073.951.679	2.515.586.053
	1.029.502.802.777	822.491.613.329

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	494.592.315.052	427.255.169.994
Chi phí nhân công	172.488.988.662	132.023.715.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.931.506.227	9.266.496.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	302.360.367.779	207.122.905.626
Chi phí khác bằng tiền	19.020.766.707	69.725.989.923
	997.393.944.427	845.394.277.485

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.918.720.482	1.752.371.151
	3.918.720.482	1.752.371.151

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	25.733.536.908	23.739.930.532
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	289.403.179
	25.733.536.908	24.029.333.711

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	17.677.596.033	18.346.205.363
Chi phí dự phòng	10.008.115.292	1.628.619.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.809.204.565	1.467.039.535
Chi phí quản lý khác	17.237.005.386	14.053.491.727
b. Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(3.707.960.079)	(18.452.998.957)
	45.023.961.197	17.042.357.644

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2015	2014 (Trình bày lại)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.005.162.960	8.156.041.837
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	1.146.543.121	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.151.706.081	8.156.041.837

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015	2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	48.723.882.401	32.832.413.927
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	5.845.040.144	4.240.503.510
Thu nhập chịu thuế	54.568.922.545	37.072.917.437
Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.005.162.960	8.156.041.837

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2015	2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.572.176.320	24.676.372.090
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(2.783.943.486)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	35.572.176.320	21.892.428.604
Số cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.186	730

(*) Theo Nghị quyết số 179/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa xác định số quỹ khen thưởng, phúc lợi phải trích trong năm 2015. Do đó, cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, Công ty chưa xác định số tiền để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi để giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015.

Công ty đã tính toán lại lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2014 theo hướng dẫn của Thông tư 200.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	498.102.010.728	259.519.313.991
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	78.916.392.024	350.237.158.131
Nợ thuần	419.185.618.704	-
Vốn chủ sở hữu	342.507.308.181	340.432.780.653
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,22	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.916.392.024	350.237.158.131
Phải thu khách hàng và phải thu khác	652.957.072.408	504.686.981.679
Đầu tư dài hạn khác	15.149.661.547	34.446.751.547
Tổng cộng	747.023.125.979	889.370.891.357
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	498.102.010.728	259.519.313.991
Phải trả người bán và phải trả khác	260.589.598.875	392.518.367.414
Chi phí phải trả	55.336.771.894	43.236.382.167
Tổng cộng	814.028.381.497	695.274.063.572

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	+200	(4.981.020.107)
VND	-200	4.981.020.107
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(5.190.386.280)
VND	-200	5.190.386.280

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến các khoản phải thu quá hạn thanh toán khoảng 51,7 tỷ VND. Trong đó, giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã được trích lập là khoảng 46,6 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.916.392.024	-	78.916.392.024
Phải thu khách hàng và phải thu khác	652.957.072.408	-	652.957.072.408
Đầu tư dài hạn khác	-	15.149.661.547	15.149.661.547
Tổng cộng	731.873.464.432	15.149.661.547	747.023.125.979
31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	498.102.010.728	-	498.102.010.728
Phải trả người bán và phải trả khác	260.589.598.875	-	260.589.598.875
Chi phí phải trả	55.336.771.894	-	55.336.771.894
Tổng cộng	814.028.381.497	-	814.028.381.497
Chênh lệch thanh khoản thuần	(82.154.917.065)	15.149.661.547	(67.005.255.518)
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	350.237.158.131	-	350.237.158.131
Phải thu khách hàng và phải thu khác	504.686.981.679	-	504.686.981.679
Đầu tư dài hạn khác	-	34.446.751.547	34.446.751.547
Tổng cộng	854.924.139.810	34.446.751.547	889.370.891.357
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	259.519.313.991	-	259.519.313.991
Phải trả người bán và phải trả khác	363.689.336.773	28.829.030.641	392.518.367.414
Chi phí phải trả	43.236.382.167	-	43.236.382.167
Tổng cộng	666.445.032.931	28.829.030.641	695.274.063.572
Chênh lệch thanh khoản thuần	188.479.106.879	5.617.720.906	194.096.827.785

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức cao nhưng Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Vũng tàu	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	Cùng Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án xây dựng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng Tập đoàn
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	549.009.957.779	404.165.738.614
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	120.012.808.181	-
Ban Quản lý dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	59.791.108.181	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	354.678.123	96.399.733.696
Mua hàng, thuê thi công các công trình xây lắp và các dịch vụ khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	23.038.103.971	622.465.681
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	21.827.765.778	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	2.085.750.009	2.765.476.845
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Thái Bình	1.243.517.355	-
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	804.669.065	699.815.090
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	328.888.942	59.834.850
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	115.281.455	226.645.074
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Vũng Tàu	169.654.936	86.349.272
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	-	52.574.212
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	43.276.741
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.067.919.670	2.361.802.295

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	306.744.434.907	250.946.552.970
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.300.469.925	27.300.469.925
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	9.387.628.964	9.387.628.964
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	8.917.182.475	8.917.182.475
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	7.541.190.210	7.541.190.210
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	5.638.766.005	30.197.809.127
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.068.344.626	2.068.344.626
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	6.396.801.083
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	277.306.480
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.219.548.661	290.654.056
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	2.401.054.236	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.553.441.480	1.613.441.480
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	1.843.599.194	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	259.778.108	259.778.108
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	225.000.000	225.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	118.195.110	252.943.100
Người mua trả tiền trước		
Ban Quản lý Dự án xây dựng Trường Đại học Dầu khí	41.991.047.457	60.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.373.377.519	114.483.827.972

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được điều chỉnh hồi tố theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Biên bản kiểm toán ký ngày 18 tháng 9 năm 2015 về báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã ký ngày 11 tháng 3 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 5.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***36. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)**

Một số số liệu sau khi điều chỉnh hồi tố của năm trước được phân loại lại theo Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
Tên chỉ tiêu	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	31/12/2014	
I. TÀI SẢN		I. TÀI SẢN		
1. Các khoản phải thu khác	8.273.020.801	1. Phải thu ngắn hạn khác	19.158.350.886	Đổi tên và phân loại lại
2. Tài sản ngắn hạn khác	10.885.330.085	Không có chỉ tiêu tương ứng		- Đổi tên và phân loại lại
3. Hàng tồn kho	332.671.808.641	3. Hàng tồn kho	330.142.837.071	Phân loại lại
Không có chỉ tiêu tương ứng		- 4. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	2.528.971.570	Đổi tên và phân loại lại
II. NGUỒN VỐN		II. NGUỒN VỐN		
1. Người mua trả tiền trước	397.848.710.792	1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	248.791.311.599	Đổi tên và phân loại lại
Không có chỉ tiêu tương ứng		- 2. Người mua trả tiền trước dài hạn	148.781.860.539	Đổi tên và phân loại lại
Không có chỉ tiêu tương ứng		- 3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	275.538.654	Phân loại lại
2. Quỹ đầu tư phát triển	9.669.438.037	4. Quỹ đầu tư phát triển	10.107.757.925	Phân loại lại
3. Quỹ dự phòng tài chính	438.319.888	Không có chỉ tiêu tương ứng		- Phân loại lại



Phan Thị Ngọc Diệp
Người lập biểu



Lê Ngọc Hoàng
Kế toán trưởng



Phùng Văn Công
Phó Giám đốc



Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Số: *2402*/CNDD-TCKT

Vũng Tàu, ngày 18 tháng 03 năm 2016

V/v Giải trình một số nội dung trên
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM

Trước hết Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) xin gửi tới Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM lời chào trân trọng.

Nhằm làm rõ một số nội dung trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) xin có một số ý kiến giải trình như sau:

1. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

“Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang thi công và đầu tư một số dự án. Do khó khăn trong tình hình thị trường hiện tại, Công ty chưa đánh giá được giá trị có thể thu hồi của các dự án này cũng như tính khả thi nếu tiếp tục thực hiện.”

Hiện tại, Công ty đang thi công, đầu tư hoặc đang trong quá trình làm thủ tục chuẩn bị đầu tư một số dự án như trình bày tại Thuyết minh báo cáo tài chính số 14. Ở thời điểm hiện tại, việc đánh giá về giá trị có thể thu hồi và tính khả thi trong tương lai của các dự án này và đưa ra các bằng chứng rõ ràng là rất khó vì các thông tin trên thị trường là không đầy đủ. Ngoài ra, các dự án này mới đang ở trong giai đoạn thi công, đầu tư hoặc chuẩn bị đầu tư. Tuy nhiên, các vị trí mà Công ty thực hiện dự án là những khu vực có vị trí địa lý đẹp, thuận lợi nên Ban Giám đốc tin tưởng rằng các dự án này sẽ mang lại lợi nhuận cho Công ty trong tương lai. Do đó, Công ty chưa trích lập dự phòng tổn thất tài sản cho các dự án này.

2. Vấn đề nhấn mạnh

“Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Biên bản kiểm toán ký ngày 18 tháng 9 năm 2015, Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã ký ngày 11 tháng 3 năm 2015”

Như trình bày tại Thuyết minh báo cáo tài chính số 05, sau khi phát hành báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty ký ngày 11 tháng 3 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã

nhận được Biên bản kiểm toán ký ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Công ty phải điều chỉnh sổ kế toán và báo cáo tài chính năm 2014 theo kết quả kiểm toán. Do đó, Ban Giám đốc Công ty xác định báo cáo tài chính năm 2014 đã phát hành trước đây cần được điều chỉnh cho phù hợp với kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và khẳng định rằng, các bước điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính năm 2014 đã được thực hiện đúng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

“Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn là 645.119.465 VND và khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng là 45.000.000.000 VND tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu đang tạm dừng thực hiện chi trả tiền gửi cho đến khi nhận được chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước. Công ty đánh giá rằng các khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.”

Như trình bày tại Thuyết minh báo cáo tài chính số 6, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang có khoản tiền 45.645.119.465 VND trong tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu đang tạm dừng thực hiện chi trả tiền gửi cho đến khi nhận được chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, cụ thể như sau:

Theo Công văn số 62/2015/CV-OCEANBANK ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) phúc đáp Công văn số 554/CNDD-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Công ty, Oceanbank tạm dừng việc chi trả cho khách hàng là tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai, không có rủi ro tổn thất và theo đó không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí để làm rõ một số nội dung trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Kính đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM xem xét.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Giám đốc (báo cáo)
- Lưu VT, TC-KT, (h, 5)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phùng Văn Công

Số: 403 /VN1A-HN-CV

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2016

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Về việc: *Xác nhận giải trình của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí về một số nội dung tại Báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

Thưa các Quý Ông,

Phúc đáp Công văn số 240/CNDD-TCKT ngày 17 tháng 3 năm 2016 của quý Công ty về việc giải trình các vấn đề ngoại trừ và nhấn mạnh của kiểm toán viên trong Báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, chúng tôi xác nhận ý kiến giải trình tại Công văn số 240/CNDD-TCKT ngày 17 tháng 3 năm 2016 của quý Công ty gửi cho chúng tôi là phù hợp với các giải trình Công ty đã cung cấp cho kiểm toán viên trong quá trình kiểm toán. Các vấn đề này đã được trình bày trong Báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán số 469/VN1A-HN-BC ngày 17 tháng 3 năm 2016.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Văn thư

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Đức Nguyên